

CÁC CỜ-TÍCH
GHI TRONG BẢN-ĐỒ KINH-THÀNH HUẾ
(BẢN-ĐỒ NÀY TRÍCH TRONG TẠP-CHÍ
BULLETIN DES AMIS DU VIEUX HUẾ 1933)

- 1 — Huyện-nha Hương-Trà cũ
- 2 — Sở Tế-Dưỡng
- 3 — Huyện-nha Hương-Trà lúc sau này
- 4 — Chợ Bao-Vinh
- 5 — Cầu xe lửa
- 6 — Cầu An-Hoà cũ
- 7 — Cầu Tịnh-Tế
- 7bis — Sông Hộ-Thành
- 8 — Cầu Bao-Vinh
- 9 — Làng Tiên-Nộn
- 10 — Bảo-Xưởng
- 11 — Miếu Ngủ-Hành
- 12 — Bảo-Miếu
- 13 — Cửa Tây-Bắc
- 14 — Vòm lính
- 15 — Cửa Chánh-Bắc
- 16 — U-doi
- 17 — Kho thuốc súng
- 18 — Bến đò Nhà-Hồ
- 19 — Địa-phận phường Tây-Lộc
- 20 — Vệ Hữu-Bảo
- 21 — Hồ Hữu-Bảo
- 22 — Nhà ở của công-chức
- 23 — Vệ Tiền-Bảo
- 24 — Hồ Tiền-Bảo
- 25 — Vệ Tả-Bảo
- 26 — Hồ Tả-Bảo

- 27 — Địa phận phường Tây-Linh
- 28 — Vệ Trung-Bảo
- 29 — Vệ Hậu-Bảo
- 30 — Hồ Hậu-Bảo
- 31 — Lao Cấm-Cổ
- 32 — Cửa Trấn-Bình
- 33 — Cổng để cho nước trong Mang-Cá thoát ra ngoài
- 34 — Nhà Hội-Đồng
- 35 — Hồ Trấn-Bình-Đài (*tức hồ Mang-cá*)
- 36 — Sở Đảo-Dược
- 37 — Cửa Trường-Định
- 38 — Đài Trấn-Bình
- 39 — Khám-Đường
- 40 — Hồ Khám-Đường (*tức gọi Hồ-Khám*)
- 41 — Tây-Hồ
- 42 — Đoài-Hồ (*hay Hồ-Đoài*)
- 43 — Phương-Hồ (*tức gọi Hồ-Vuong*)
- 44 — Miếu Hội-Đồng (*của làng Phú-Xuân*)
- 45 — Giám-Điền (*cũng gọi là Hiếu-Điền, ruộng của chùa Từ-Hiếu*)
- 46 — Tự-Hồ (*tức gọi Hồ-Chùa*)
- 47 — Trường-Thi
- 48 — Dinh Kỳ-Võ
- 49 — Hồ Kỳ-Võ
- 50 — Xưởng Tuyển-Phong
- 51 — Đò ba bến
- 52 — Cầu Cửu-Lợi (*mất tích từ lâu*)
- 53 — Hồ-Vòm
- 54 — Quán Linh-Hựu
- 55 — Tượng-Cuộc
- 56 — Lại-Bãi-Tượng
- 57 — Chợ Mới
- 58 — Trại lính thuộc quyền Phủ-Doãn phủ Thừa-Thiên
- 59 — Phủ-Đường Thừa-Thiên
- 60 — Cửa Chánh-Tây
- 61 — Hùng-Nhuệ Tả-Vệ

- 62 — Hùng-Nhuệ Tiền-Vệ
- 63 — Hùng-Nhuệ Trung-Vệ
- 64 — Hồ Hùng-Nhuệ
- 65 — Ruộng làng Phú-Xuân
- 66 — Vệ Tuyền-Phong
- 67 — Miếu Thổ Thần (*của phường Tây-Lộc*)
- 68 — Hồ Mộc-Đức
- 69 — Đàn Âm-Hồn (*của làng Phú Xuân*)
- 70 — Đình làng Phú-Xuân
- 71 — Tịch-Điền
- 72 — Cửa vào Tịch-Điền
- 73 — Nhà thờ ông Nguyễn-Thạnh
- 74 — Miếu Ngũ-Hành (*của làng Phú-Xuân*)
- 75 — Cầu nhỏ bắc qua mương dẫn nước vào Tịch-Điền
- 76 — Cầu Bắc-Tế
- 77 — Sông Ngự-Hà
- 78 — Cầu Thương-Trường
- 79 — Cầu Ngự-Hà (*tục gọi Cầu-Kho*)
- 80 — Bia của cầu Ngự-Hà
- 81 — Công Quán
- 82 — Hộ Giám-Thành
- 83 — Nha Giám-thành
- 84 — Cửa Đông-Bắc (*tục gọi của Kê-Trài*)
- 85 — Cầu Đông-Hội (*tục gọi cầu Kê-Trài mất tích từ lâu*)
- 86 — Xưởng Túc-Vệ
- 87 — Hùng-Nhuệ Hữu-Vệ
- 88 — Hùng-Nhuệ Hậu-Vệ
- 89 — Hồ-Oai Trung-Vệ
- 90 — Trường-Thi
- 90 bis — Dinh của Thống-Chuống các Vệ Hùng-Nhuệ và Hồ-Oai
- 90 ter — Sở Tế-Sanh cũ
- 91 — Võ-Trường (*của các Vệ Hùng-Nhuệ và Hồ-Oai*)
- 91 bis — Trường dạy võ hay diễn võ của Vệ Hùng-Nhuệ
- 92 — Hồ Thanh-Ninh
- 93 — Vườn Thường-Mậu

- 94 — Cung Bảo-Định
- 94 bis — Lộc-Hựu
- 94 ter — Cung Khánh-Ninh
- 95 — Miếu Ngũ-Hành (*của phương Tây -Lộc*)
- 95 bis — Vườn Vĩnh-Trạch
- 96 — Kho-Tiền
- 96 bis — Cửa phía sau và bên hữu Kinh-Thương
- 97 — Võ-Khố
- 98 — Cửa phía sau và bên tả Kinh-Thương
- 99 — Kinh-Thương (*tục gọi Kho*)
- 100 — Miếu Kinh-Thương
- 101 — Cửa Đông-Hi
- 102 — Cửa bên tả Kinh-Thương
- 103 — Cửa bên tả Tĩnh-Tâm
- 104 — Miếu Tĩnh-Tâm
- 105 — Cửa Thu-Nguyệt
- 106 — Cửa Xuân-Quang
- 107 — Đảo Phương-Trượng
- 108 — Đảo Bồng-Lai
- 109 — Đảo Doanh-Châu
- 110 — Cửa Hạ-Huân
- 111 — Cửa Nam-Huân
- 112 — Vườn Thường-Thanh
- 113 — Lâu Táng-Thơ
- 114 — Kho Hỏa-dược Diêm-tiên
- 115 — Hồ Học-Hải
- 116 — Cổng của hồ Học-Hải
- 117 — Hồ Tiên-Y
- 118 — Nhà thờ Tiên-Y
- 119 — Long-Võ Hậu-Vệ
- 120 — Long-Võ Hữu-Vệ
- 121 — Cửa bên hữu và bên tả Đông-Thành Thủy-Quan
- 122 — Đông-Thành Thủy-Quan
- 123 — Cầu Hàm-Tế
- 124 — Cầu Thố-Lại (*cũng gọi cầu Kê-Trại*)

- 125 — Địa-phận phường Vĩnh-An
- 126 — Sở Tề-Sanh
- 127 — Hồ Tề-Sanh
- 128 — Long-Võ Trung-Vệ
- 129 — Cầu Hoàng-Tế
- 130 — Tây-Thành Thủy-Quan
- 131 — Địa-phận phường Tri-Vụ
- 132 — Viện Đò-Sát cũ
- 133 — Chợ Phiên
- 134 — Miếu Thổ-Thần của phường Tri-Vụ
- 135 — Trường diễn võ của các Vệ Hồ-Oai
- 136 — Hồ-Oai Tiền-Vệ
- 137 — Chợ Cửa-Hữu
- 138 — Miếu Ngũ-Hành và Đàn Âm-Hồn của phường Tri-Vụ
- 139 — Tân-Miếu
- 140 — Phủ bà Chúa Nam
- 141 — Vườn Phong-Trạch
- 142 — Hồ bà Chúa Nam
- 143 — Dinh của Thống-Chưởng của các Vệ Võ-Lâm
- 144 — Cầu Vĩnh-Lợi
- 145 — Bình-Kiều
- 146 — Miếu Ngũ-Hành và Đàn Âm-Hồn của phường Huệ-An
- 147 — Vườn Thư-Quang
- 148, 149 — Cổng-Sấu
- 150 — Cầu Khánh-Ninh
- 151 — Ngự-Lộ
- 152 — Địa-phận phường Huệ-An
- 153 — Ngự-Mã-Khải
- 154 — Tương truyền xưa chỗ này có 1 cái dinh để vua ngự lãm
các cuộc thao-diễn kỵ-binh
- 155 — Hậu-Bồ
- 155 bis — Miếu thờ hai vị Thạch-Thần Tướng-Quân là Lê-văn-Duyệt
và Nguyễn-văn-Thành
- 156 — Địa phận phường Trung-Hậu
- 157 — Đội Dực-Võ

- 158 — Đội Dực-Chấn
- 159 — Viện Cung-Giám
- 160 — Viện Đô-Sát
- 161 — Quốc-Sử-Quán
- 162 — Nha Hộ-Thành
- 168 — Phủ của ông Hoàng Cầm-Giang (*con trai thứ 59 của vua Minh-Mạng*)
- 164 — Nhà Bình-An
- 165 — Trường Anh-Giáo
- 166 — Hồ rau phởng Phú-Văn
- 167 — Hoàng Công Phủ-Đệ
- 167bis- Địa-phận phởng Phú-Nhơn
- 168 — Nhà riêng của ông Đông-Các Trương-đăng-Đản
- 169 — Nhà riêng của ông Văn Minh Trương-như-Cương
- 170 — Đàn Âm-Hồn của phởng Phú-Nhơn
- 171 — Phủ của vua Tự-Đức lúc còn niề-m-đề
- 172 — Phủ củ của Thái-Quốc-Công (*con trưởng-vua Thiệu-Trị*)
- 173 — Hồ sen hay hồ Cây-Mưng
- 174 — Dinh nhà thờ của phởng Vĩnh-An
- 175 — Đàn Âm-Hồn của Phởng Vĩnh-An
- 176 — Hồ Long-Võ
- 177 — Long-Võ Tả-Vệ
- 178 — Hồ Hoả-Pháo
- 179 — Ty Hoả-Pháo
- 180 — Đình Thần Võ-Trường
- 181 — Long-Võ Tiền-Vệ
- 182 — Long Võ Tiền-Hồ
- 183 — Dinh Tiền-Phong
- 184 — Cửa Chánh-Đông
- 185 — Địa phận phởng Thái-Trạch
- 186 — Chợ Qui Giả
- 187 — Tượng-Độ (*tục gọi Bến-Tượng*)
- 188 — Cầu Đông-Ba
- 189 — Đò Kẽ-Vạn
- 190 — Cửa Tây-Nam
- 191 — Địa-phận phởng Thuận-Cát

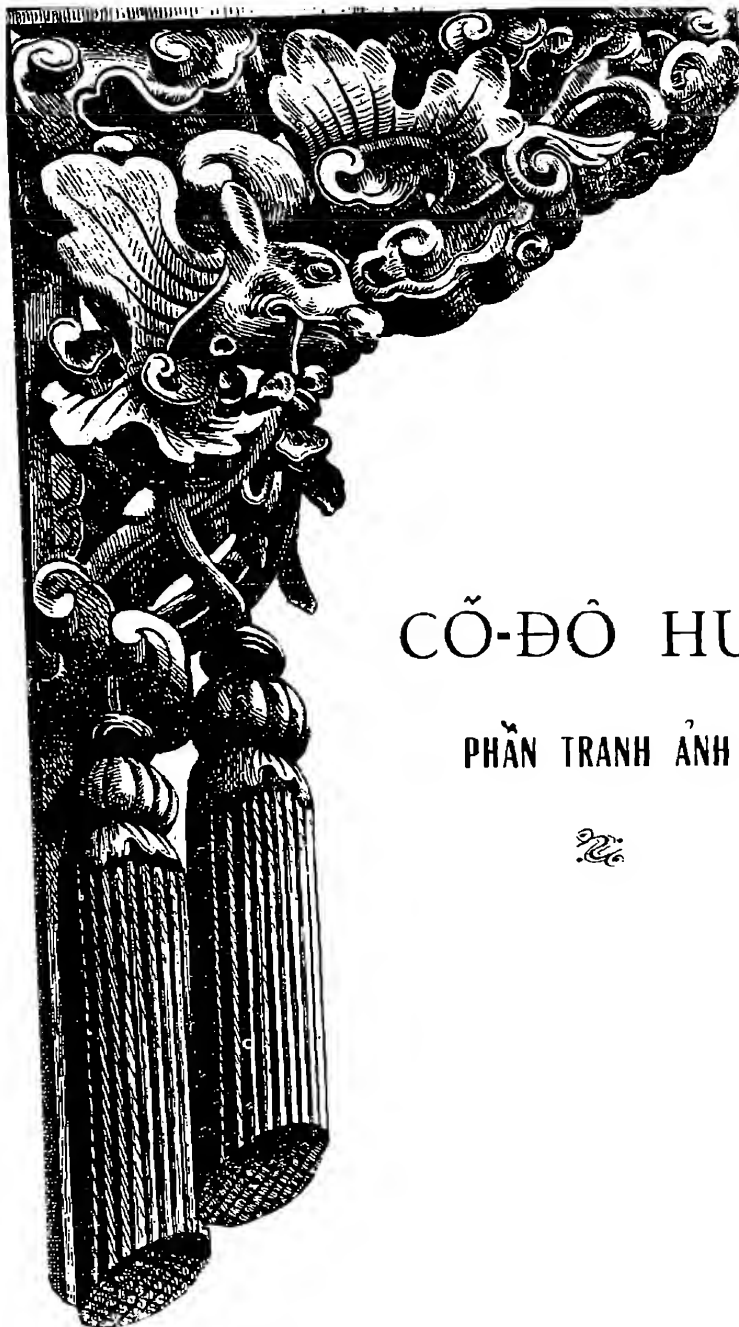
- 192 — Hồ-Oai Tả-Vệ
- 193 — Hồ-Oai Hậu-Vệ
- 193 bis Hồ-Oai Hữu-Vệ
- 194 — Hồ Xả-Tắc
- 195 — Đàn Xả-Tắc
- 196 — Dinh của Chưởng-Vệ các vệ Hồ-Oai
- 197 — Phủ của ông Hoàng Kiến-Hòa (*con trai thứ 71 của vua Minh-Mạng*)
- 198 — Hồ-Lấp
- 199 — Miếu Đô-Thành-Hoàng
- 200 — Phủ các công-chúa trước khi xuất giá
- 201 — Đàn Âm-Hồn và miếu thờ Thổ.Thần của phường Thuận-Cát
- 202 — Trường Võ-Sanh
- 203 — Chợ Cầu-Đất
- 204 — Dinh của Thống-Chưởng các vệ Túc-Vệ và Thần-Cơ
- 205 — Thần-Cơ Trung-Vệ
- 206 — Bốn Vệ Võ-Lâm Hữu-Dực
- 207 — Vệ thứ 5 Võ-Lâm Hữu-Dực
- 208 — Năm-Vệ Võ-Lâm Tả-Dực
- 209 — Thần-cơ Trung-Vệ
- 210 — Địa phận phường Trung-Tích
- 211 — Tả, Hữu-Thị-Lang Bộ Lại
- 212 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Lại
- 213 — Lại Bộ Đường
- 214 — Tả, Hữu Thị Lang Bộ Hộ
- 215 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Hộ
- 216 — Hộ-Bộ Đường
- 217 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Lễ
- 218 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Lễ
- 219 — Lễ-Bộ Đường
- 220 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Binh
- 221 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Binh
- 222 — Binh-Bộ Đường
- 223 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Hình
- 224 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ-Hình
- 225 — Hình-Bộ Đường

- 226 — Tả, Hữu Thị-Lang Bộ Công
 227 — Tả, Hữu Tham-Tri Bộ Công
 228 — Công Bộ Đường
 229 — Miếu Ngũ-Hành (của phường Trung-Tích)
 230 — Sân Viên Cơ-Mật
 231 — Phủ của vua Dục-Đức lúc còn tiềm-đề, về sau dùng làm Bộ Học
 231 bis — Phủ của vua Đồng-Khánh lúc còn tiềm-đề, về sau dùng làm Khâm-Thiên-Giám
 232 — Giảng-Đường của Viện Thái-Y
 233 — Kinh-Trạm
 234 — Sở Mộc-Thương Đốc-Công
 235 — Miếu Thổ-Thần và Miếu Ngũ-Hành của phường Thái-Trạch
 236 — Chợ Đông-Phước cũ
 237 — Nhà Thương của Kinh-thành
 238 — Vệ Dục-Hung
 239 — Dinh của phường Đệ-nhút
 240 — Nhà thờ Quan-Công
 241 — Chùa Điện-Đế
 242 — Phủ Tôn-Nhơn
 243 — Ba-Viên
 244 — Miếu Ngũ-Hành của phường Thái-Trạch
 245 — Nhà lao Trấn-Vũ hay Trấn-Phủ
 246 — Phong-cảnh Ba-Viên (nay là Viện Tàng-Cổ Khải-Định)
 247 — Quảng-Thiện-Đường (sau đổi làm Quốc-Tử-Giám)
 248 — Chùa Giác-Hoàng
 249 — Ngoại-Từ-Đường (hay là nhà thờ Đức-Quốc-Công thờ ông ngoại và bà ngoại vua Tự-Đức)
 250 — Cầu Lợi-Tế
 251 — Vườn Dũ-Giả (tục gọi Giả-Viên)
 252 — Cầu xe lửa
 253 — Đài Quang-Tượng (tục gọi Nam-Đài)
 254 — Thần-Cơ Hữu-Vệ
 255 — Thần-Cơ Hậu-Vệ
 256 — Khâm-Thiên-Giám

- 257 — Sở Hỏa-Linh
 258 — Nhà thương của quân-đội (chỗ cũ)
 259 — Hồ Thành-Hoàng
 260 — Hồ Hộ-Vệ
 261 — Hòa Thanh-Thư (chỗ của những nhạc-công trong Nội)
 262 — Ty Cuộc-Tượng
 263 — Đò Trường-Súng
 264 — Chợ Nhà-Đồ
 265 — Thần-Cơ Tả-Vệ
 266 — Miếu Thờ-Thần của phường Thuận-Cát
 267 — Cửa Chánh-Nam
 268 — Mộc-Thương (kho gỗ)
 269 — Thần-Cơ Tiền-Vệ
 270 — Đàn Âm-Hồn của phường Huệ-An
 271 — Kho-Mắm
 272 — Ty Lý-Thiện
 273 — Võ-trường của Túc-Vệ
 274 — Túc-Vệ Hữu-Vệ
 275 — Hữu Đại Tướng-Quân-Xưởng
 (nguyên 5 cờ sủng Thần-Công, Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ để ở đây)
 276 — Cửa Quảng-Đức
 277 — Đình Nghinh-Lương (nơi hóng mát của Hoàng Hậu)
 278 — Trường tập trận của quân đội
 279 — Cửa Ngọ-Môn
 280 — Kỳ-Đài
 281 — Long-Thuyền Tả Hữu Vệ
 282 — Lầu Phu-Văn
 283 — Đình Nghinh-Lương (tục gọi Lương-Tạ)
 284 — Sở Hỏa-Linh
 285 — Tả Đại-Tướng Quân Xưởng (nguyên 4 cờ sủng)
 Thần-Công : Xuân, Hạ, Thu, Đông, để ở đây
 286 — Cửa Thế-Nhơn
 287 — Trường học võ và diễn võ của các Vệ Võ-Lâm
 288 — Ty Tam-Pháp
 289 — Miếu thờ Thần

- 290 — Kinh Trạm củ
- 291 — Cửa Đông-Nam
- 292 — Đình Thương-Bạc
- 293 — Miếu Thượng-Từ
- 294 — 295 — Viện Thượng Từ
- 296 — Toà Thương-Bạc
- 297 — Nghĩa địa tạm thời của quân-dội
- 297 bis — Bến đò Trương-Tiền cũ
- 298 — Hoàng-Công Phủ
- 299 — Miếu Thổ-Hồn và Ngũ-Hành của phường Thái-Trạch
- 300 — Trường tập voi
- 301 — Chợ Đông-Ba
- 302 — Cầu Gia-Hội
- 303 — Chợ Được
- 304 — Cồn Hến
- 305 — Tàu-Voi, Tàu Tượng (*chỗ củ*)
- 306 — Thủy-Sư
- 307 — Cỗ-Lưu (*nhà kho của Thủy-Sư*)





CỔ-ĐÔ HUẾ

PHẦN TRANH ẢNH



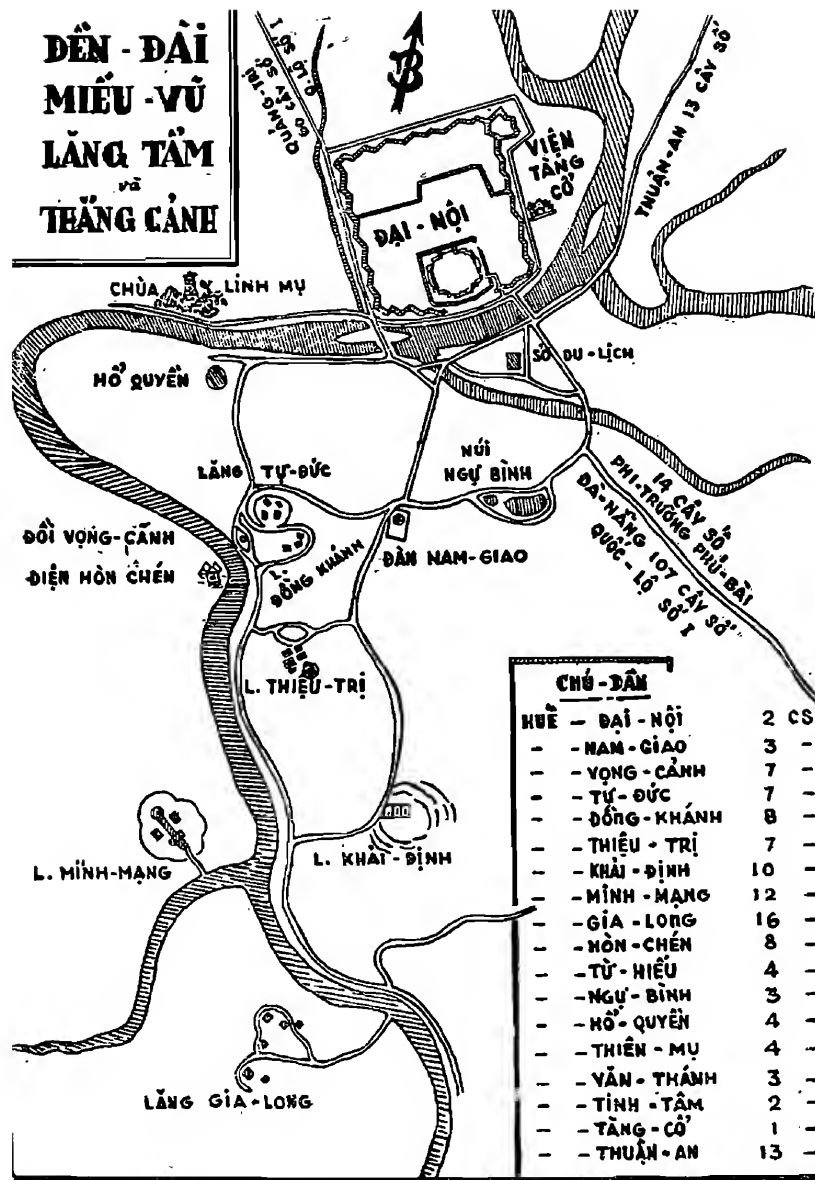


1.— Bản-đồ nước Nam của Linh-mục Alexandre de Rhodes minh-họa năm 1653, có ghi : « Provinces de Thoanoa, Quehoa, Langrau, Keday » ở nơi xứ Huế

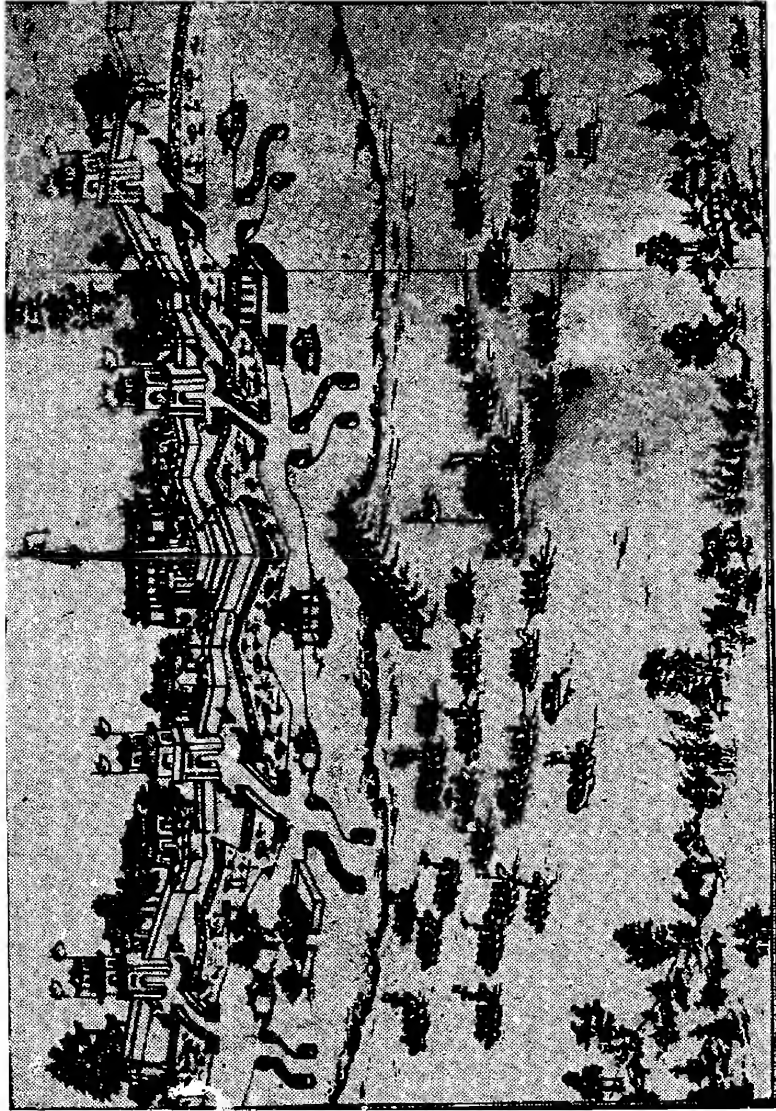
TỈNH THỪA THIÊN

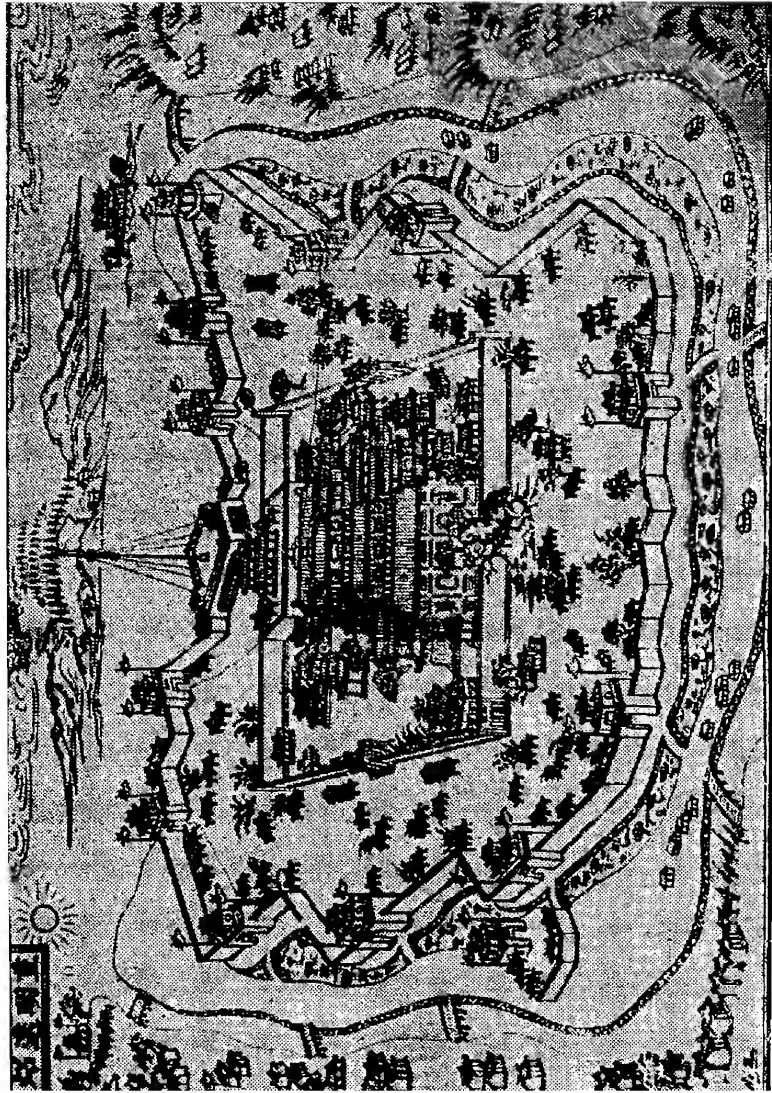
BIỂN NAM-HẢI

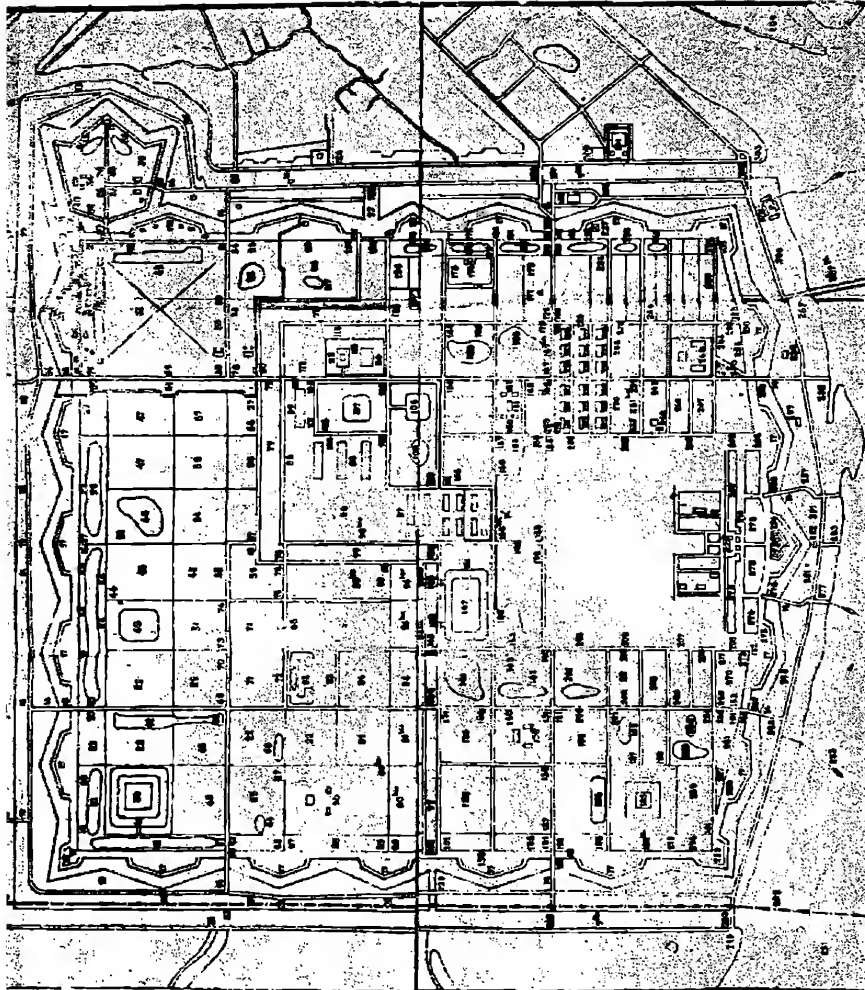
Map of Thua Thien-Hue province showing major cities, rivers, and geographical features. The map includes labels for the South China Sea (Biển Nam-Hải), the Red River (Sông Hương), and the Perfume River (Sông Hương). The map is oriented with North at the top. A compass rose is located in the upper left corner. The map is titled 'TỈNH THỪA THIÊN' at the top and 'BIỂN NAM-HẢI' on the right side.



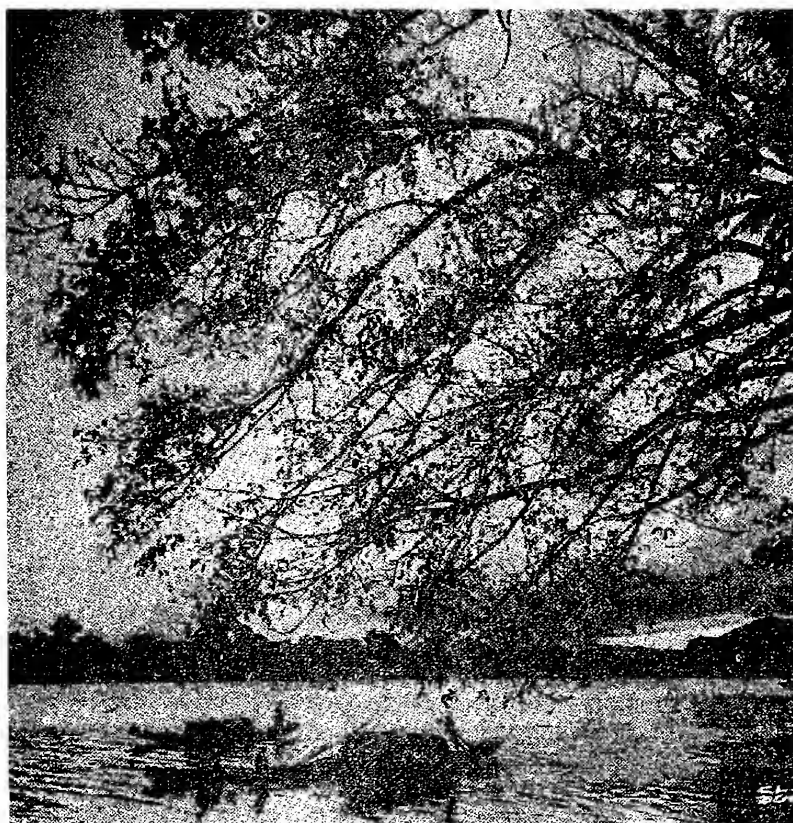
3.— Bản-đồ Đền-đài, miếu-vũ, lăng-tẩm và thắng-cảnh ở Huế.



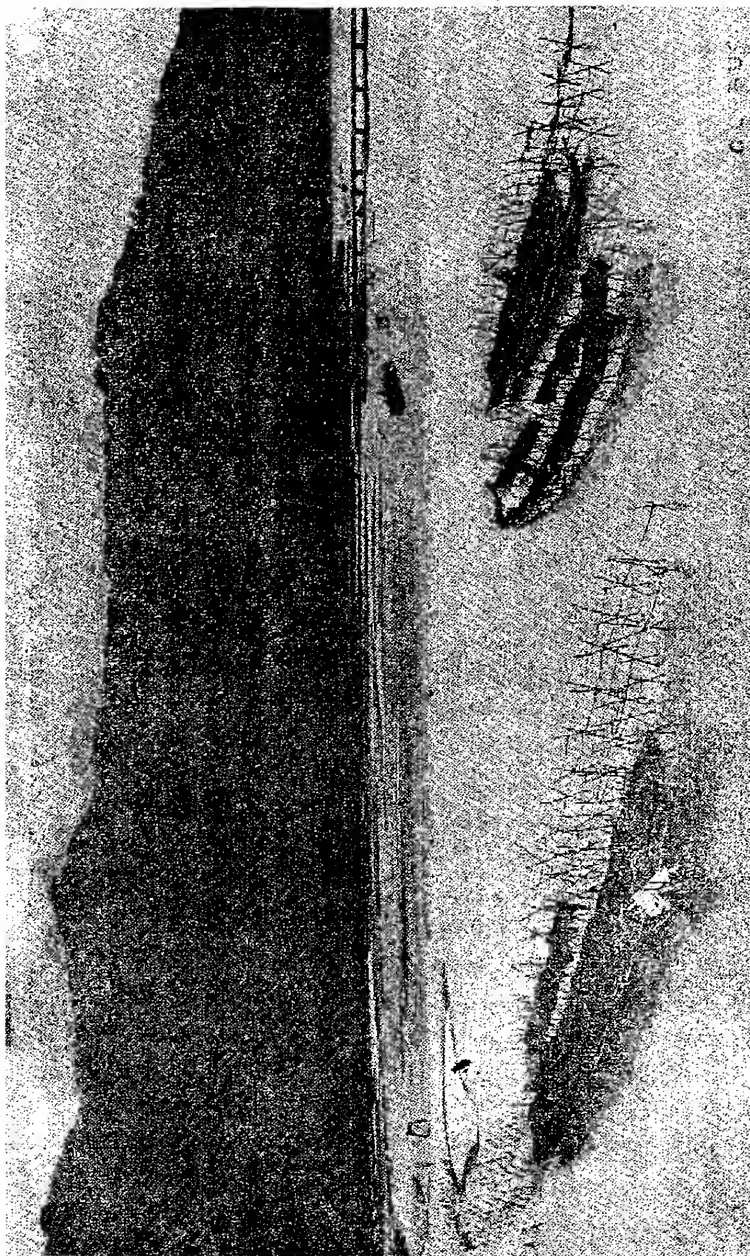


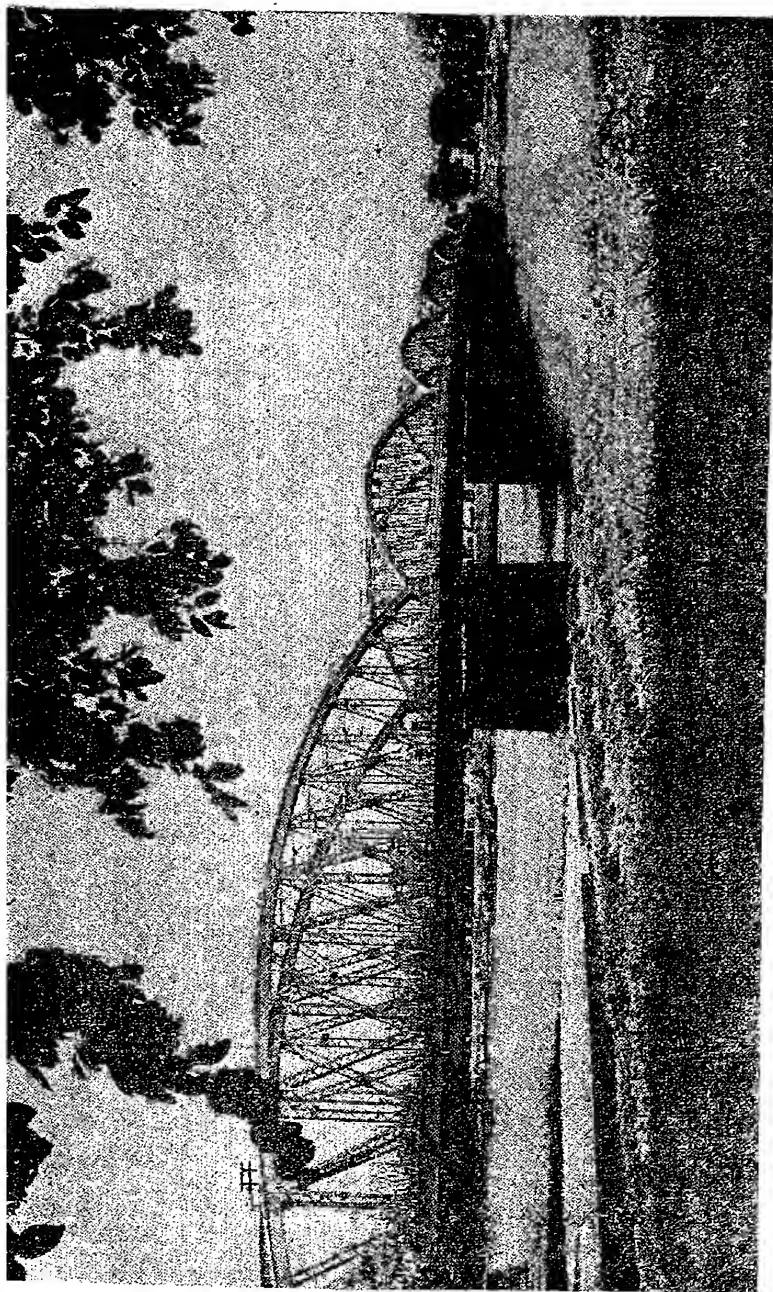


6.— Bản-đồ Kinh-Thành Huế.
(Có ghi chữ số vị-trí để đối-chiếu với danh-sách cổ-tích)



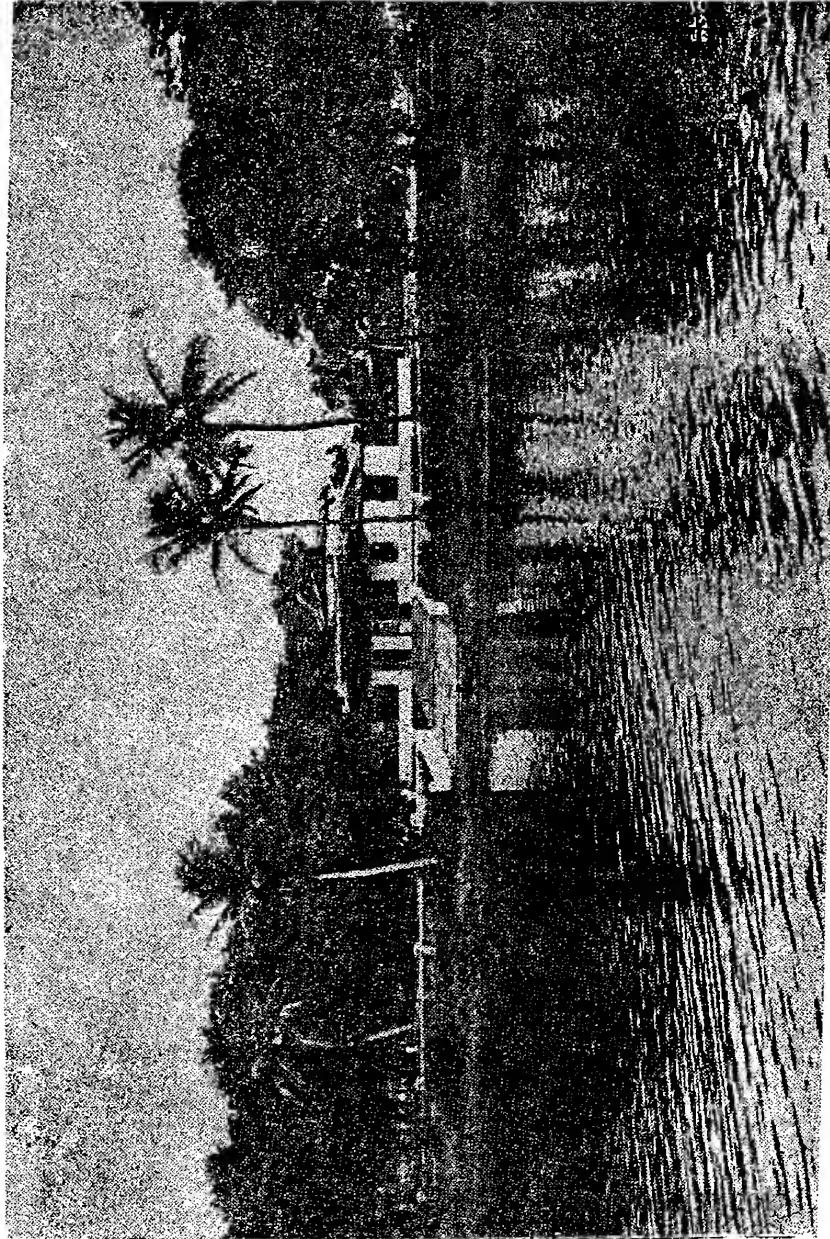
7. — Trên sông Hương
*Thuyền ai lấp-ló bên sông,
Nghe câu mái chèo chạnh lòng nước non.*





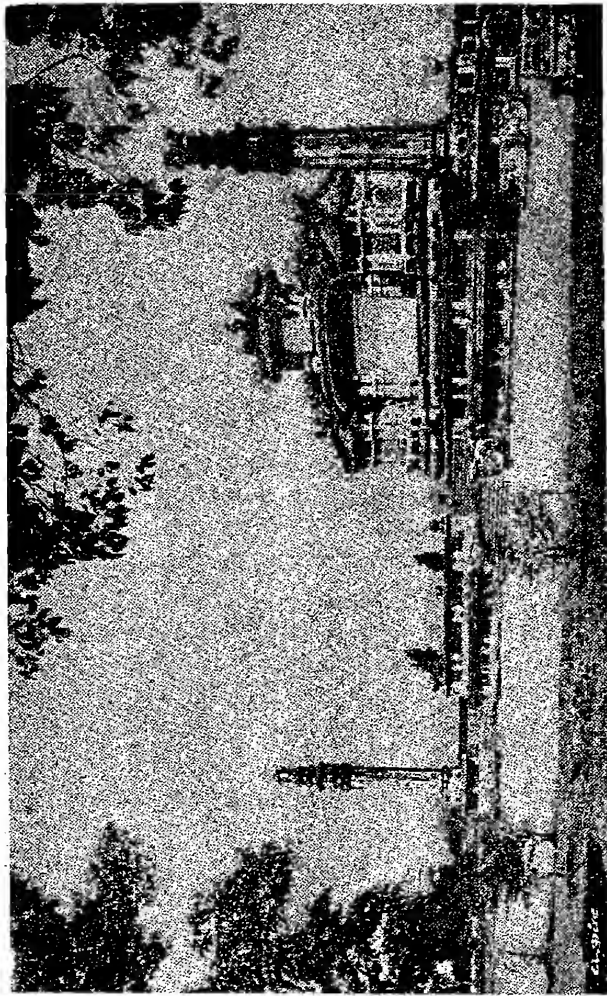
9. — Cầu Trường-Tiền

Cầu Trường-Tiền sáu vòm, mười hai nhịp.
Em qua không kịp tới lắm anh ơi ?

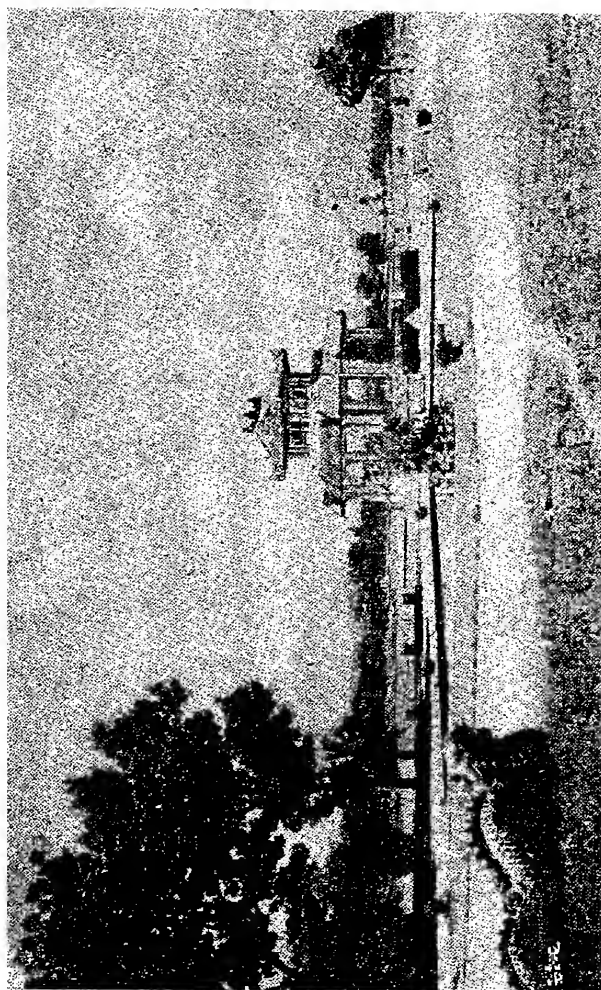


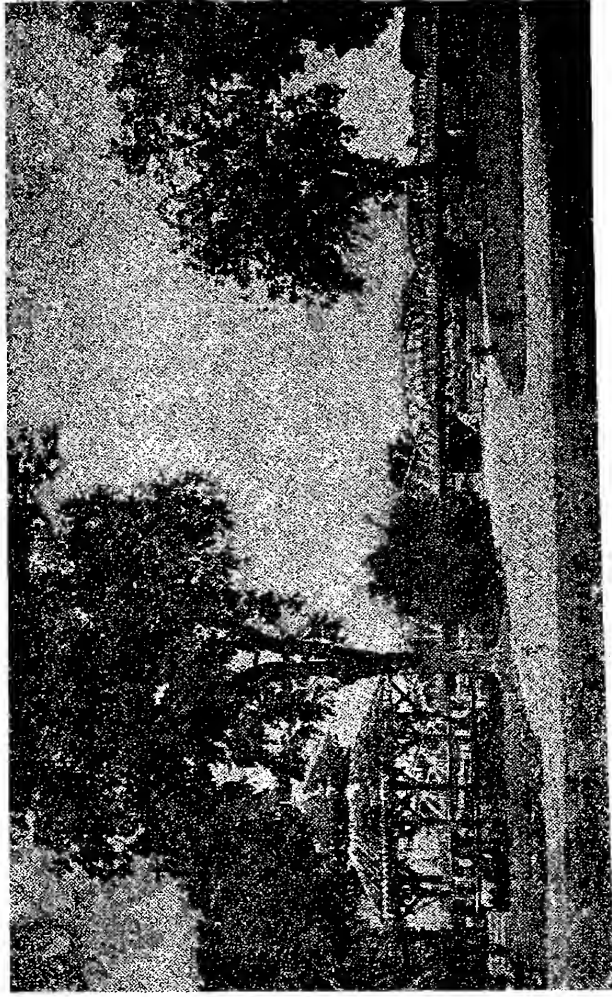


II — Bia đá có khắc bài thơ của vua Thiệu-Trị
ca tụng Sông Hương.

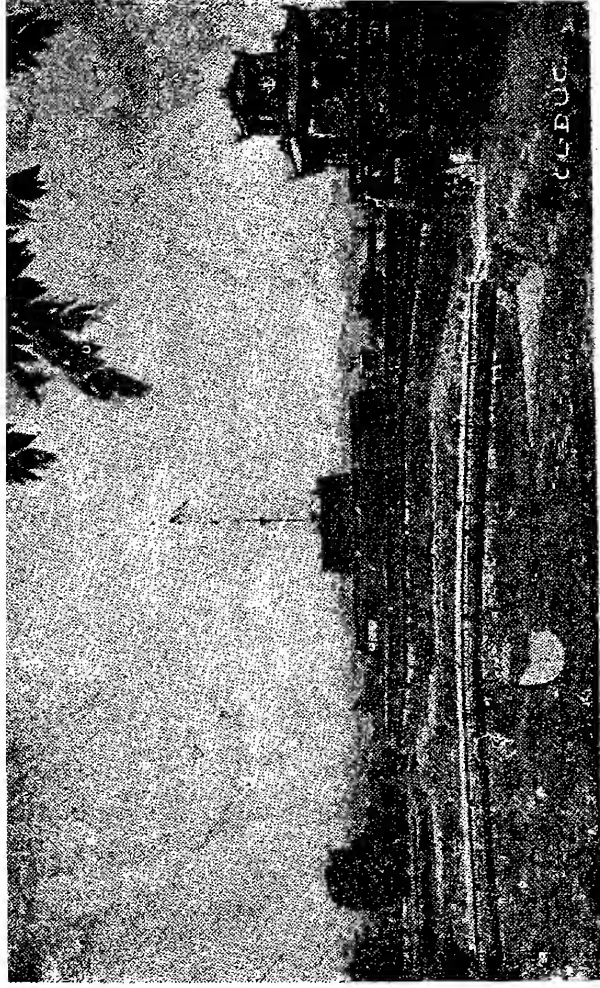


12 — Đền Chiến-sĩ trận-vong.





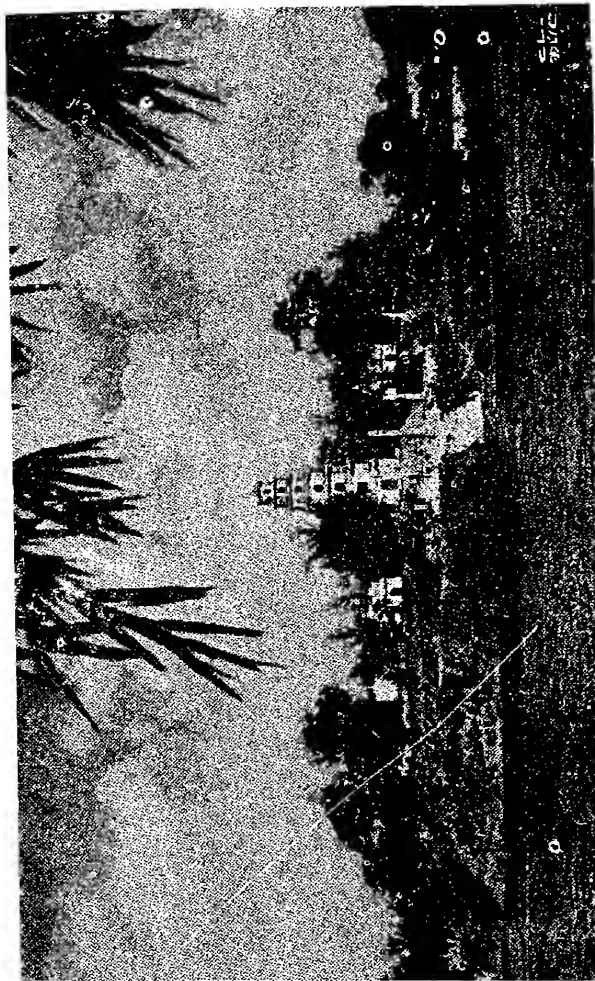
14 — Công Viên Lê-Thái-Tô
Nhà lục-giác để dành
cho ban nhạc hợp-tấu Đồng-Tây kim-cổ



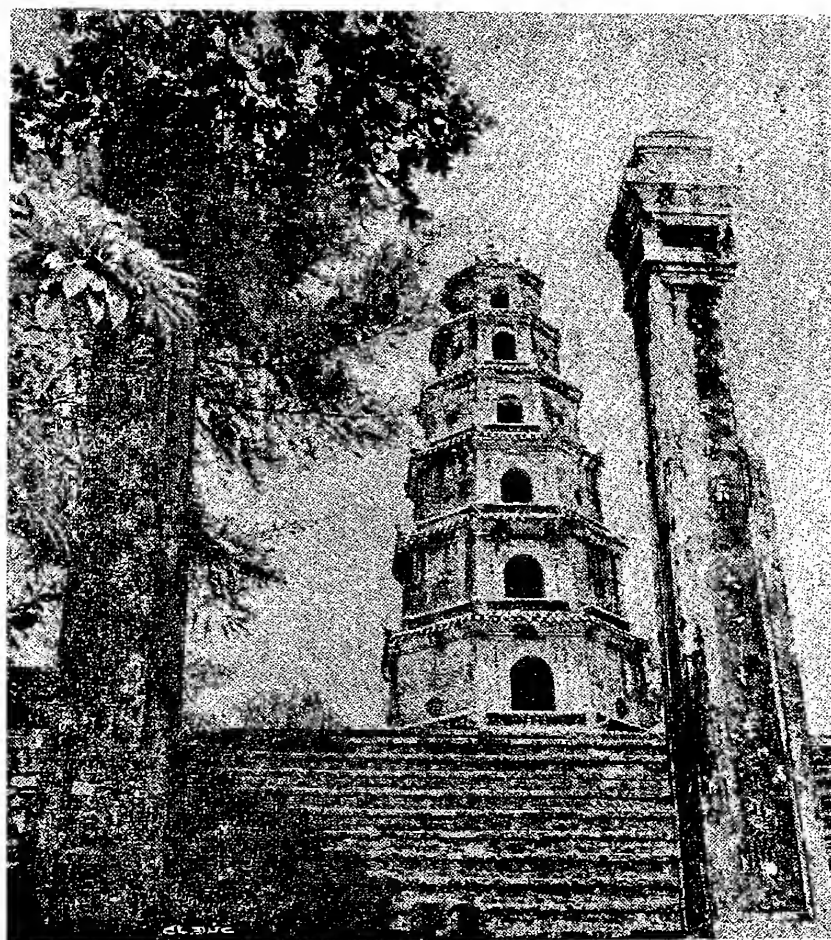
15.— Kinh Thành

*Thành-quách ấy và giang sơn ấy :
Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong hoa.*

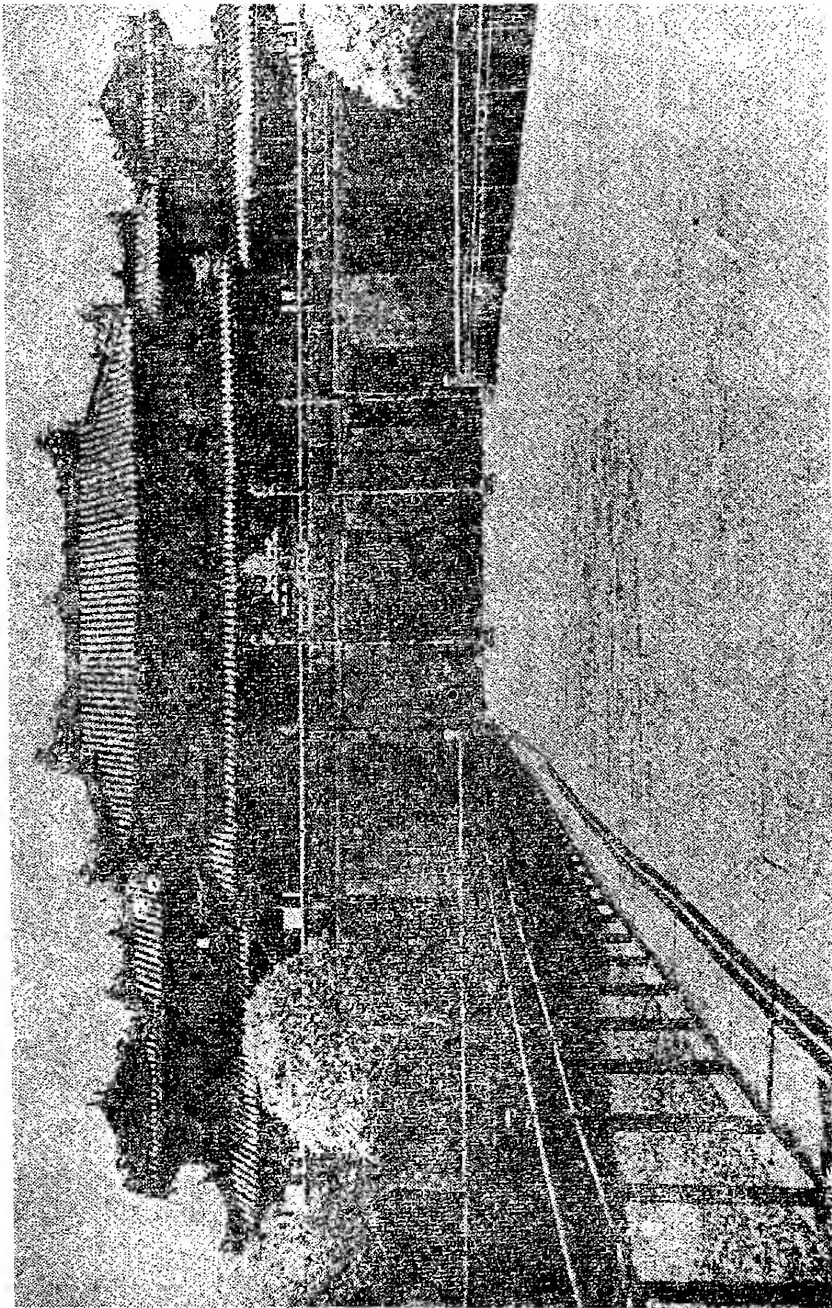
(Chu-Mạnh-Trinh)

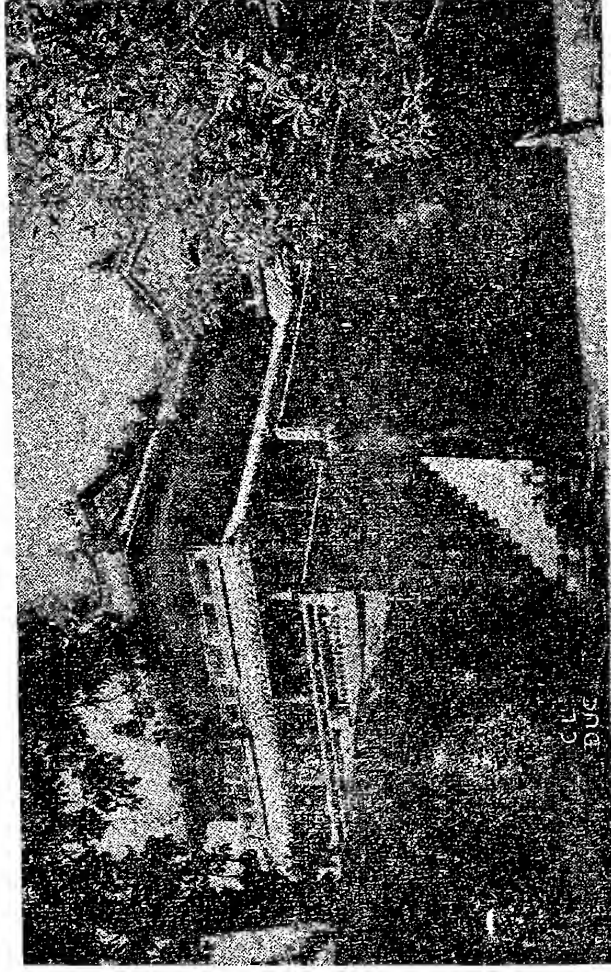


16.—Chùa Thiên-Mụ
Gió đưa cành trúc lả-dà,
Tiếng chuông Thiên-Mụ, canh gà Thọ Cương.

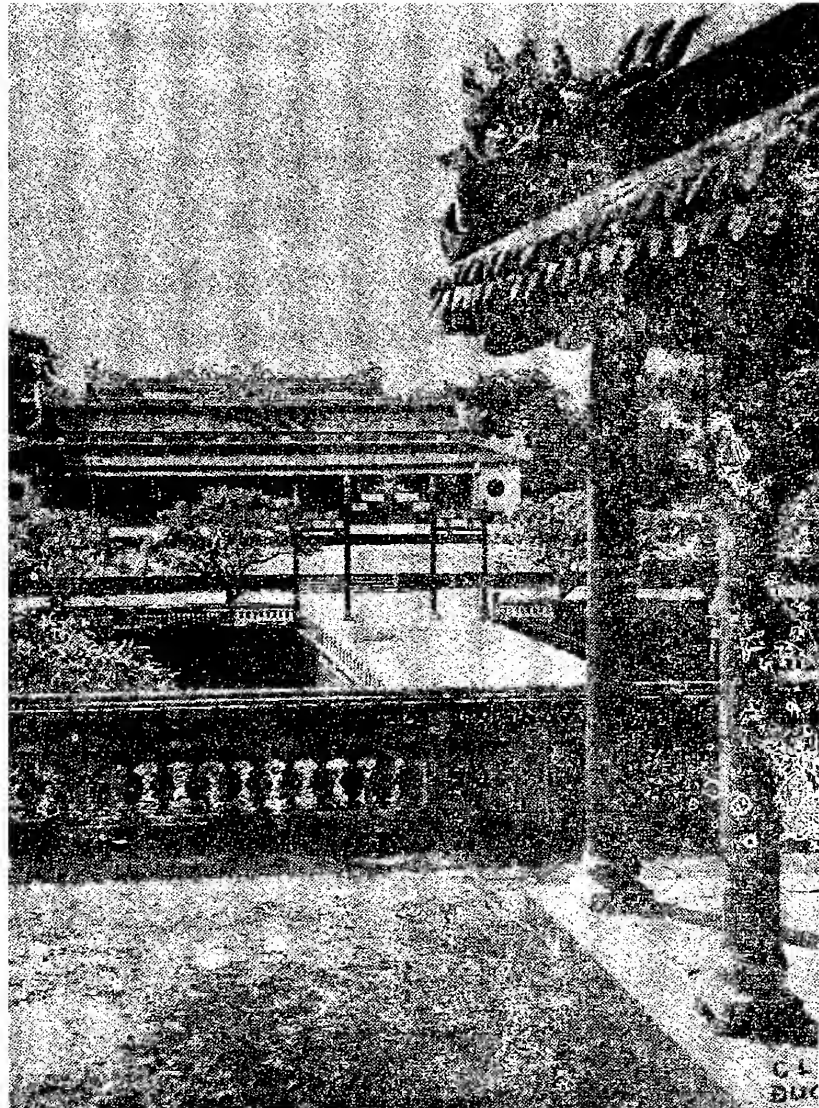


17 — Chùa Thiên-Mỹ — Tháp Phước-Duyên





19 — Ngọ-Môn (bên trong)



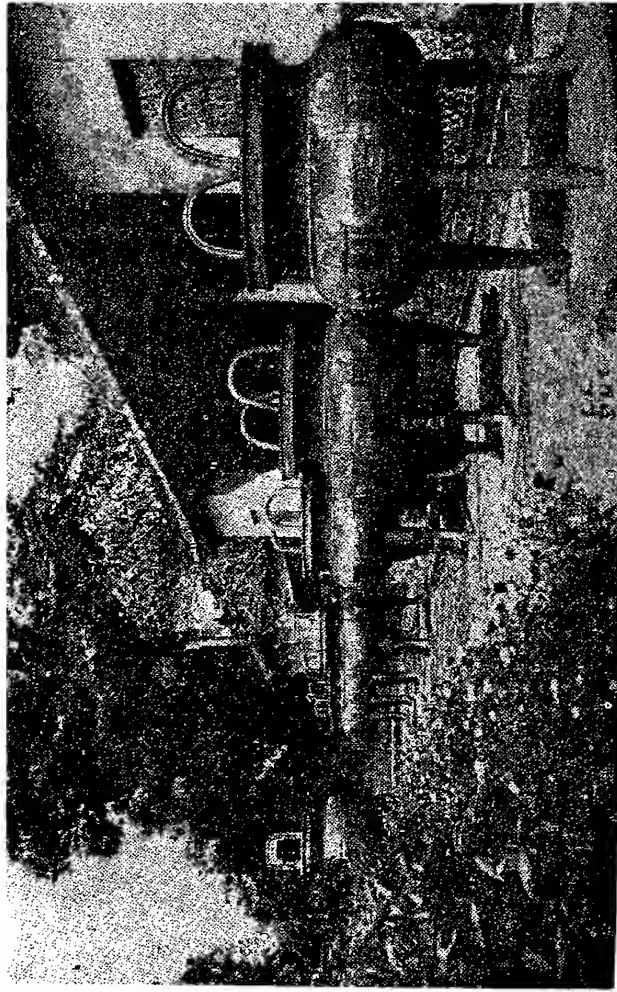
20 — Điện Thái-Hòa nhìn từ Ngọ-Môn



21 — Hiền-Lâm-các ở trước Thệ.Miếu.



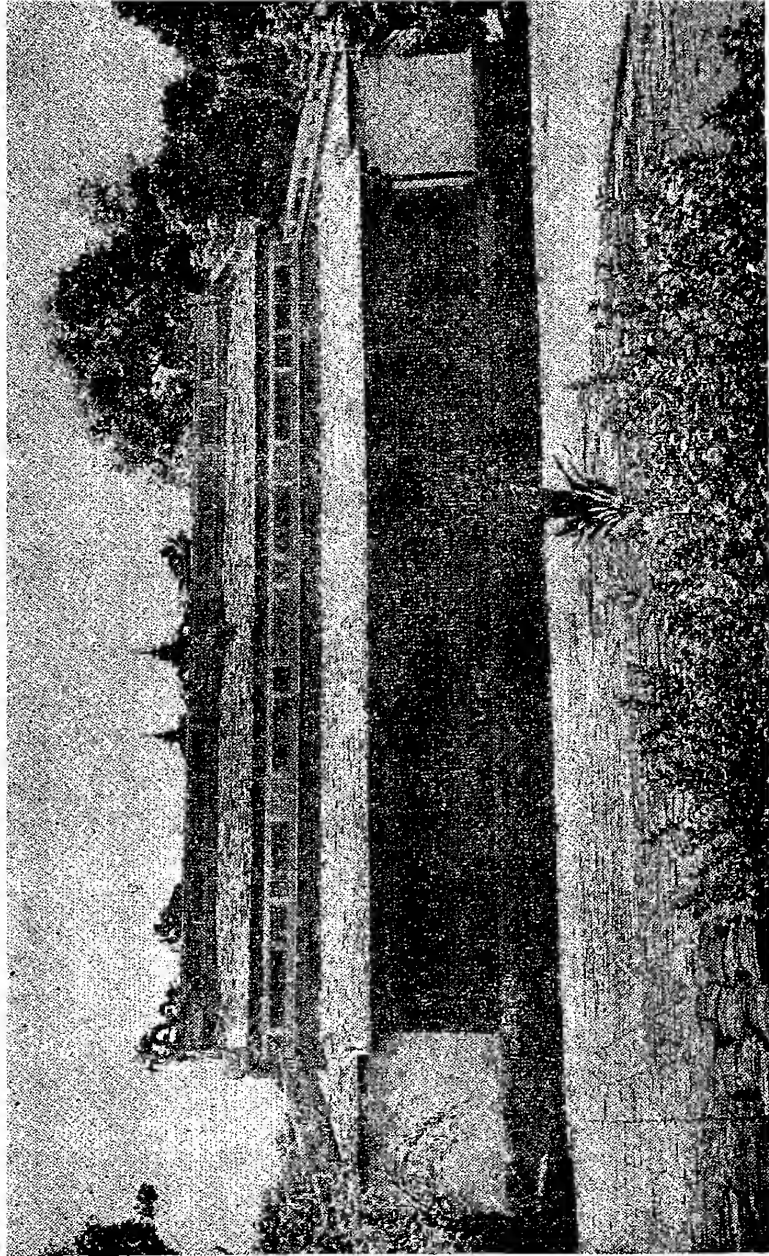
22 — Cổ-tùng Thế-Miếu



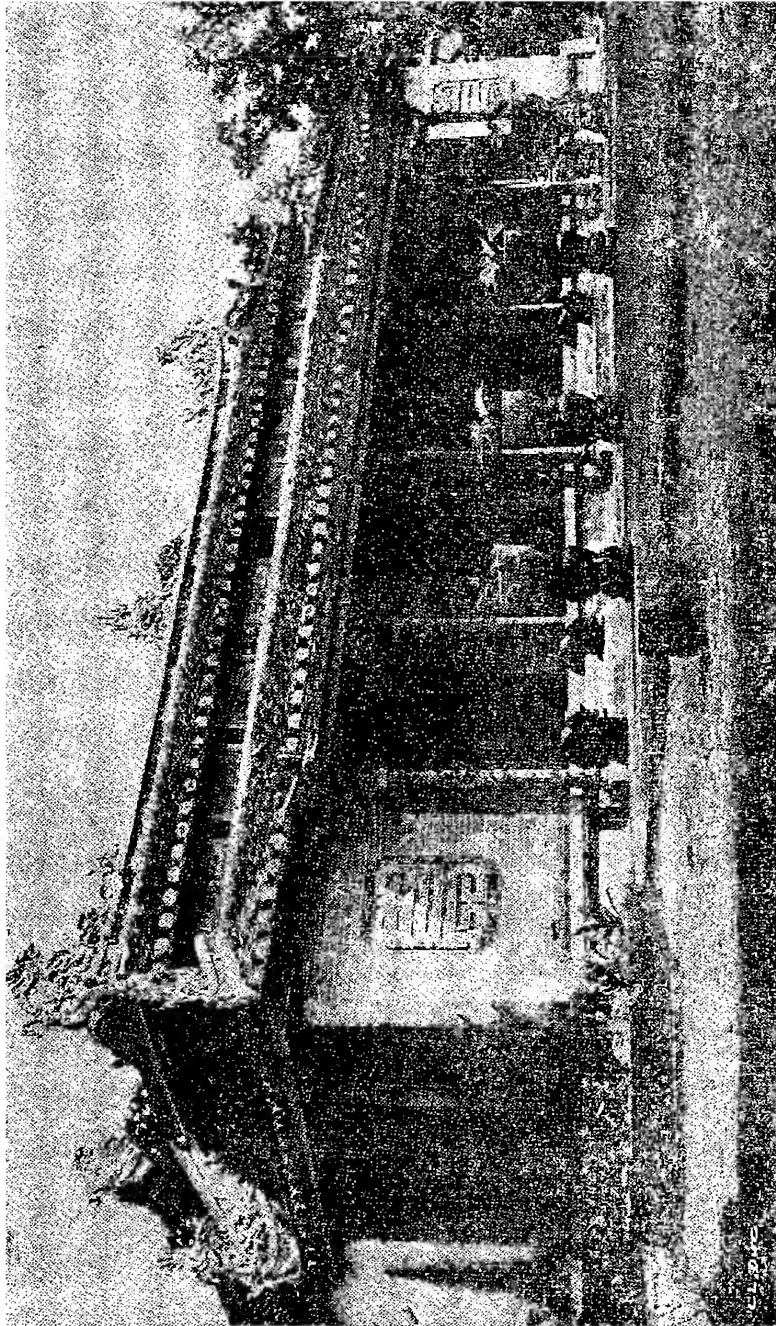
23. — « Cửu-Đỉnh » trưng bày trước thê-miếu.

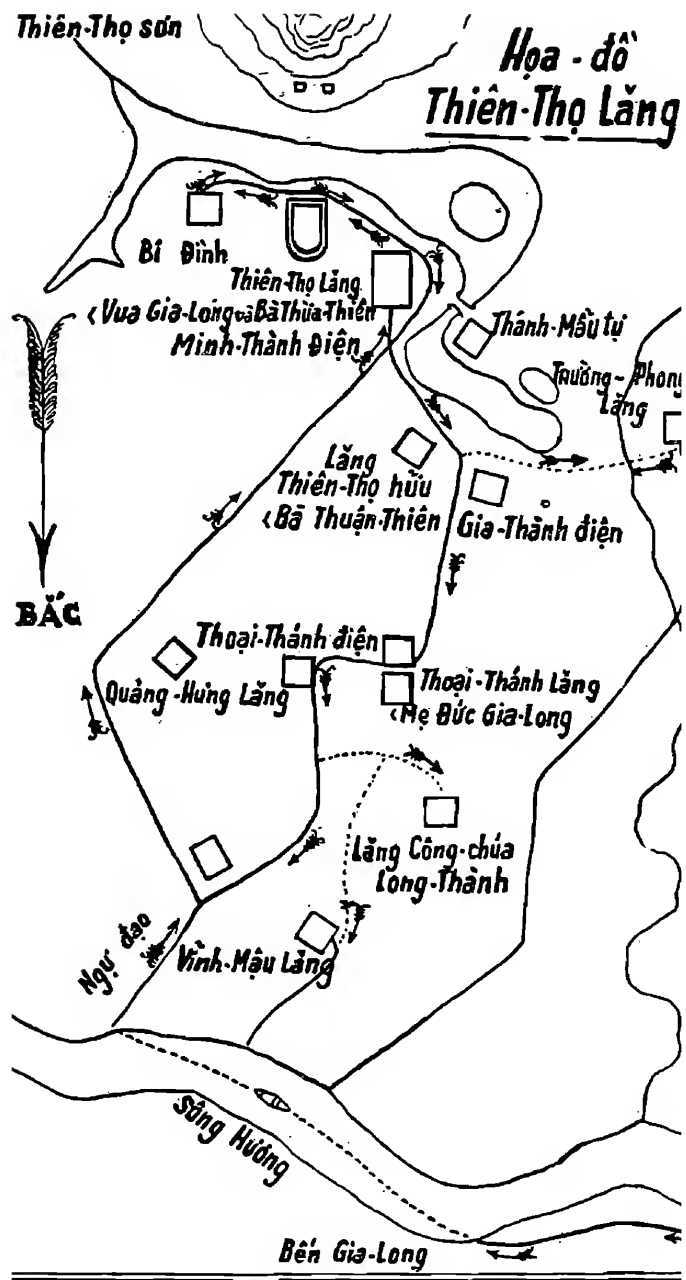


24.—« Cửu-Đỉnh » nhìn từ góc Hiên-Lâm.

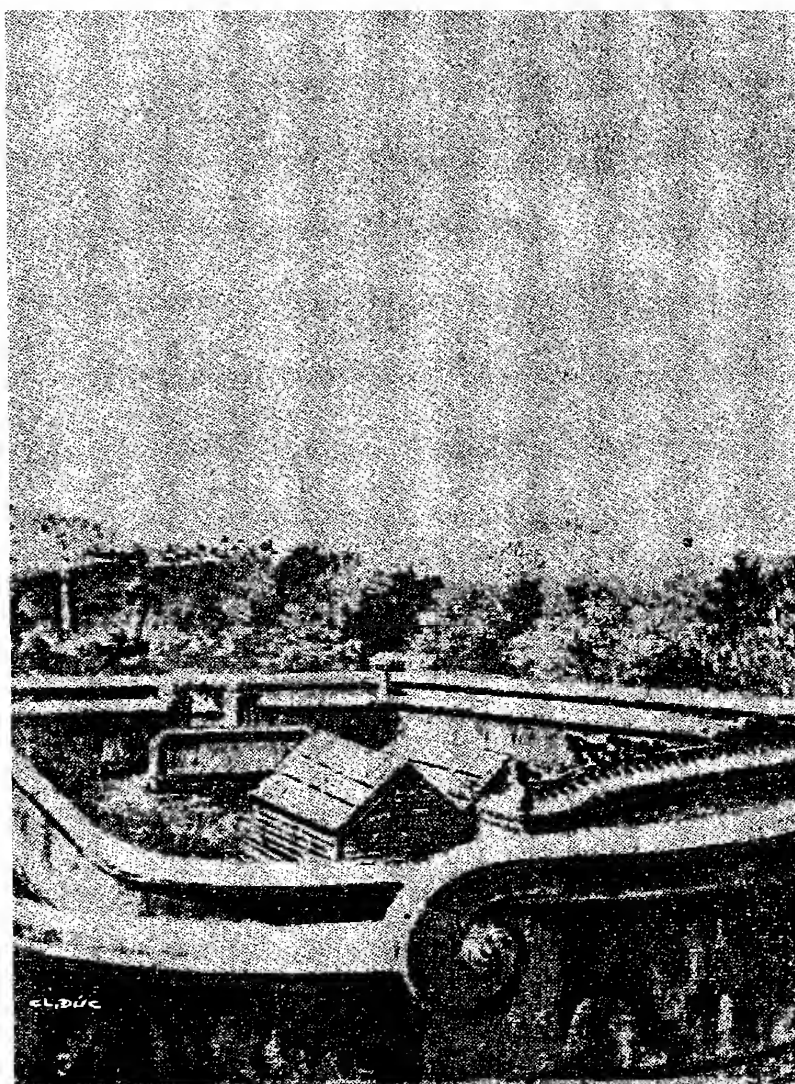


25 — Thái-Miếu thờ các chúa Nguyễn

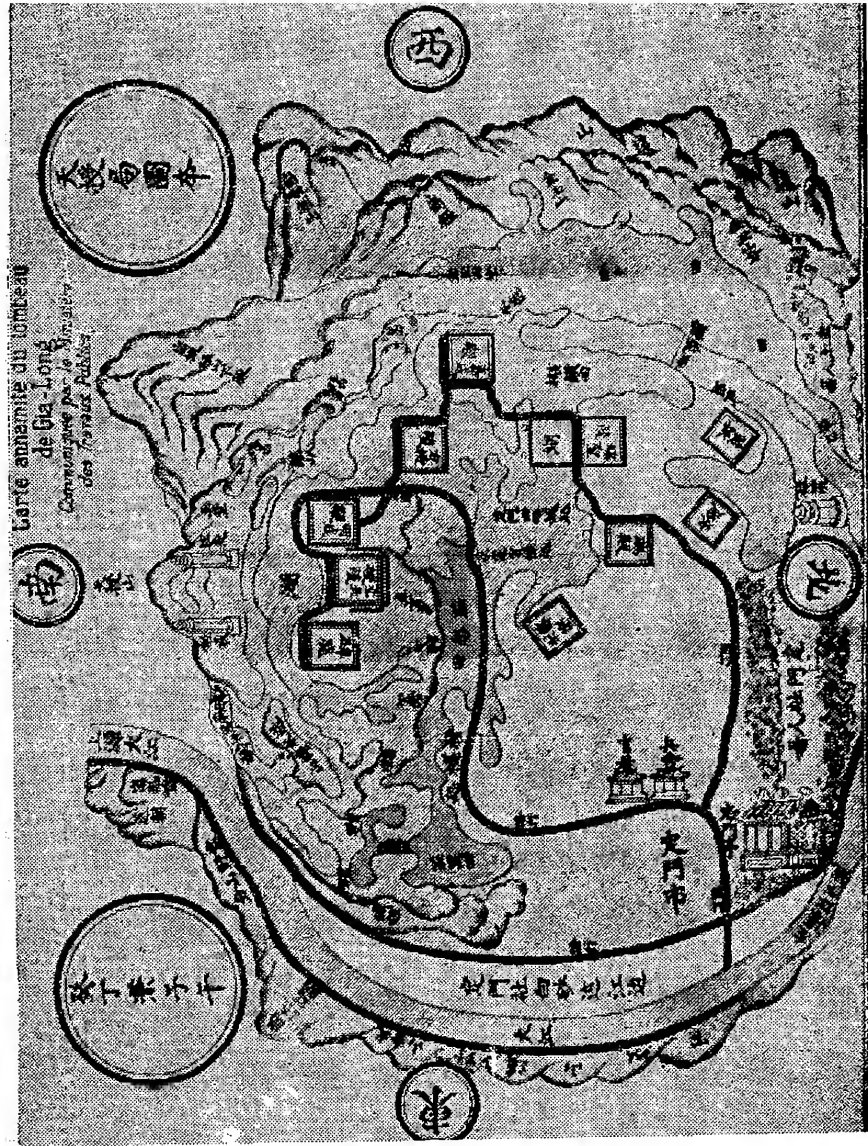




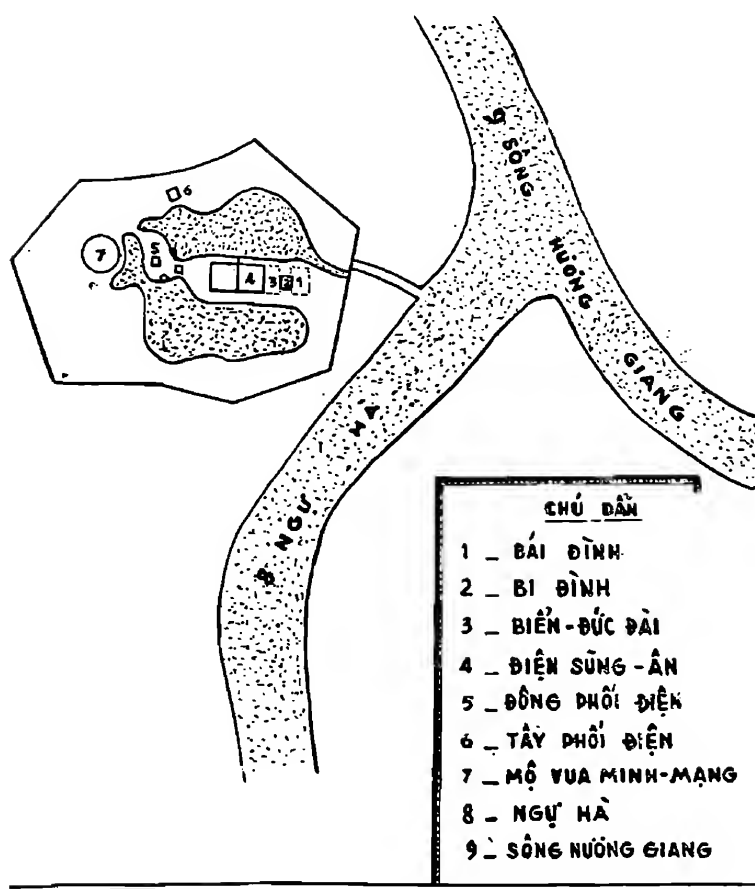
27. — Họa - đồ Thiên-Thọ Lăng



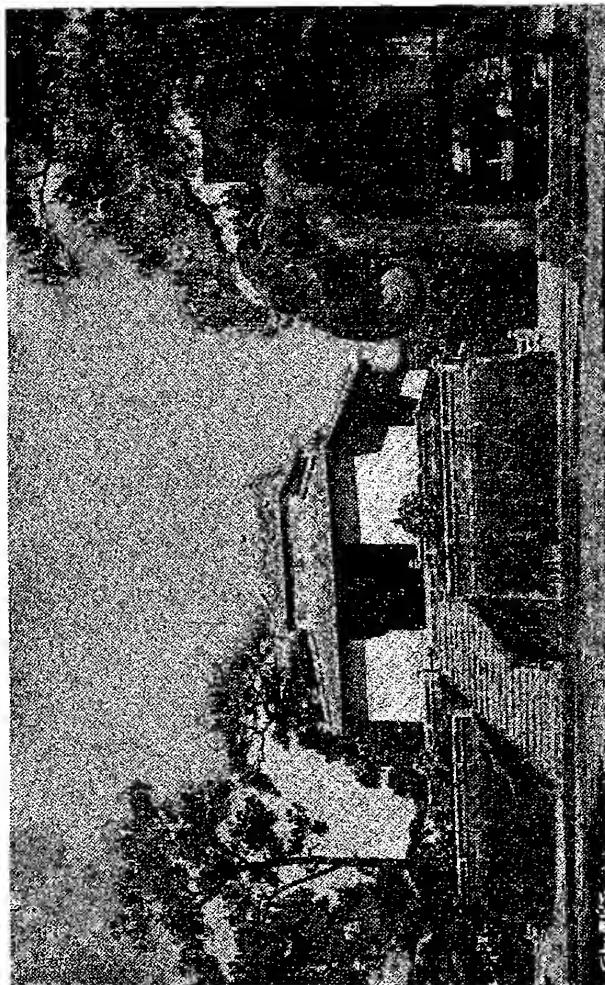
28. — Lăng vua Gia-Long (Thiên-Thọ-Lăng)
và bà Thừa-Thiên Cao-Hoàng-Hậu



HỌA ĐỒ HIẾU - LĂNG



30.— Họa.đồ Hiếu.Lăng



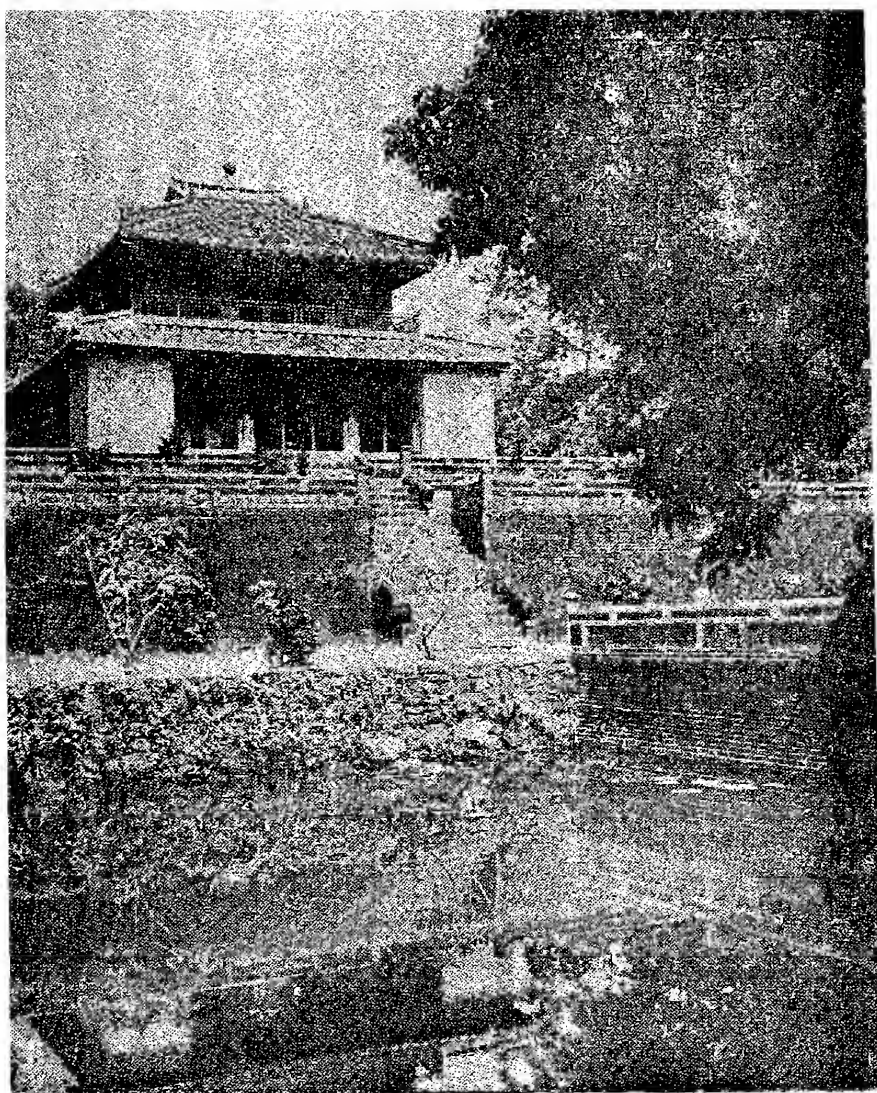
31 — Lăng vua Minh-Mạng (Hiếu-Lăng) : Bi-đình



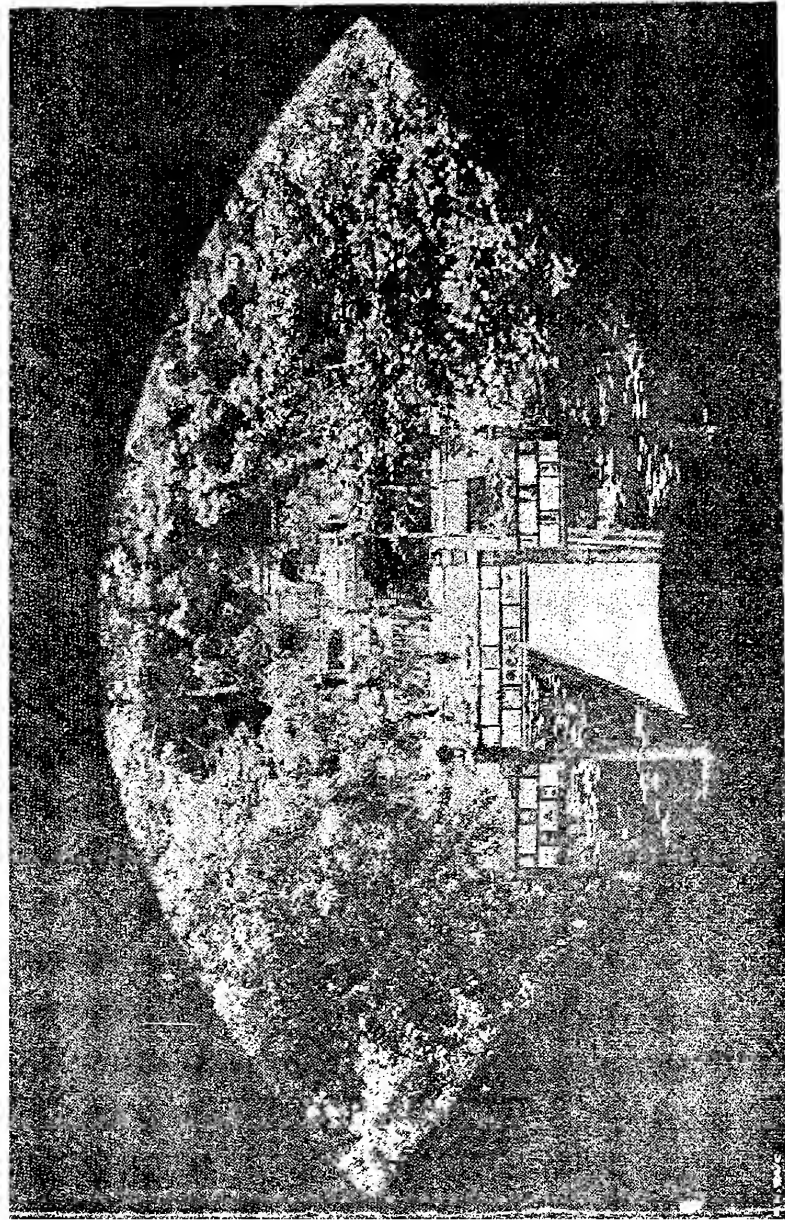
32 — Lồng vua Minh-Mạng (Hiếu-Lãng) : Minh-tàu



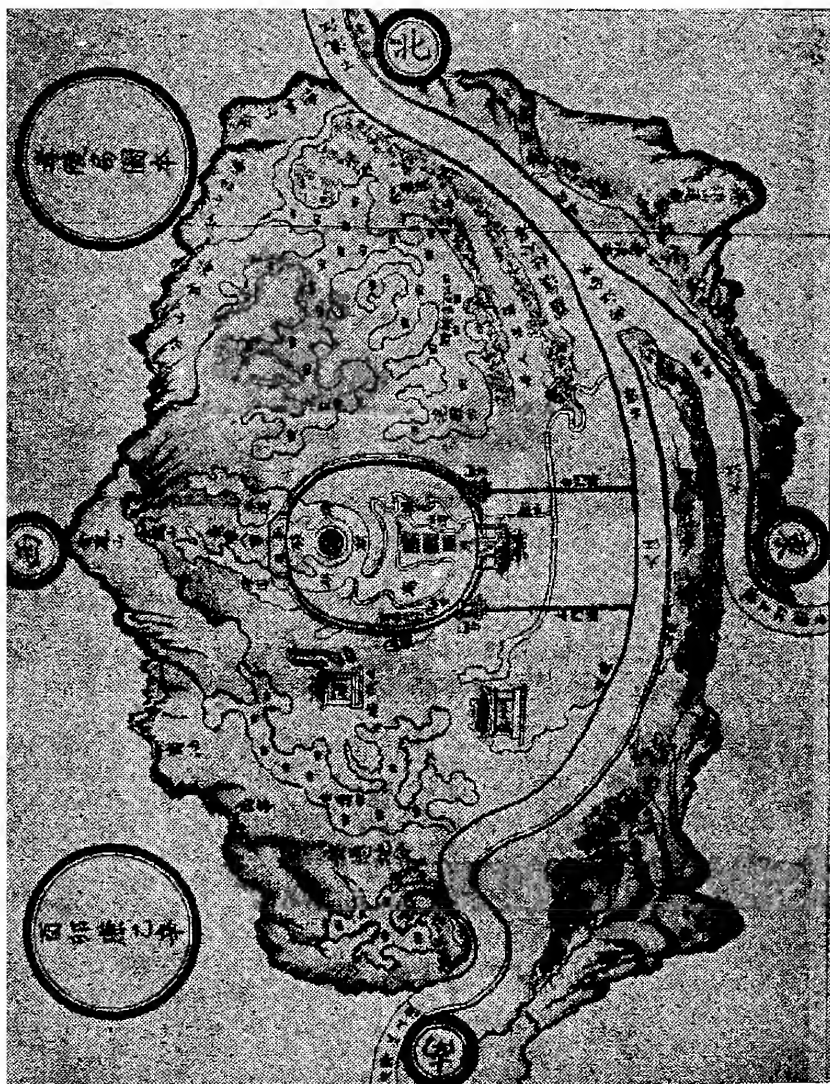
3 — Lăng Minh.Mạng — Hình đá các vị thần chầu ở bái-đình



34 - Lăng Minh.Mạng - Hồ Tân-Nguyệt

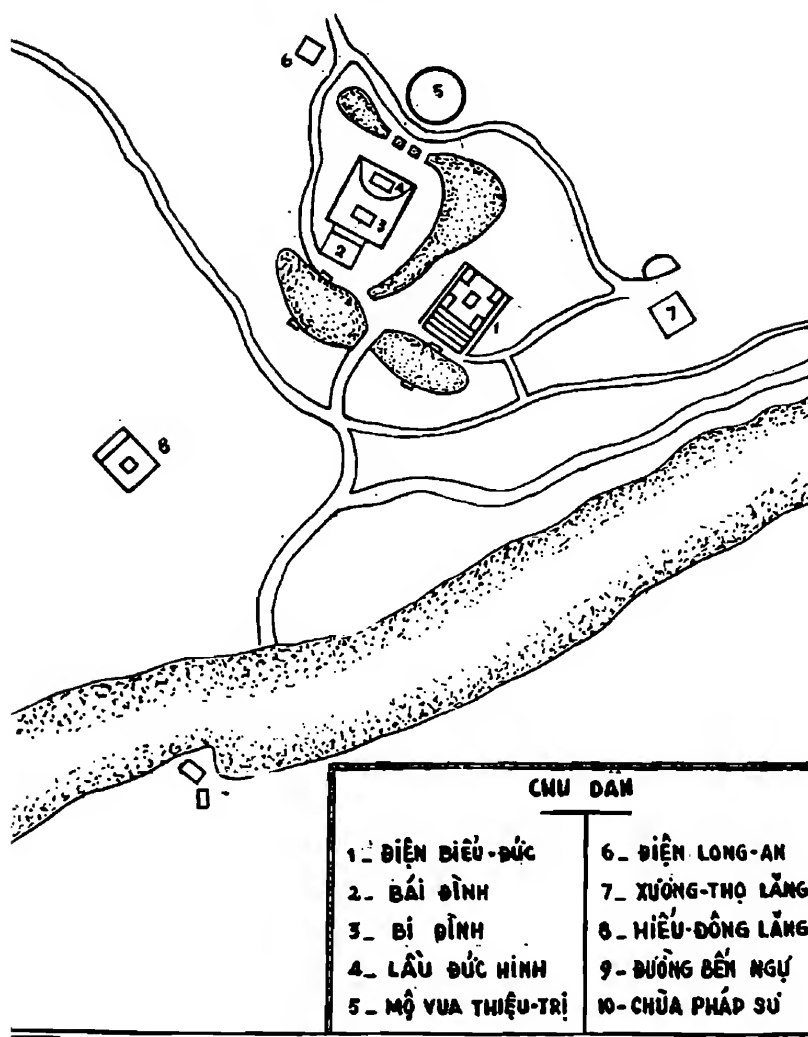


35 — Lũng Minh-Mạng — Cửa « Chính-Đại Quang-Minh »

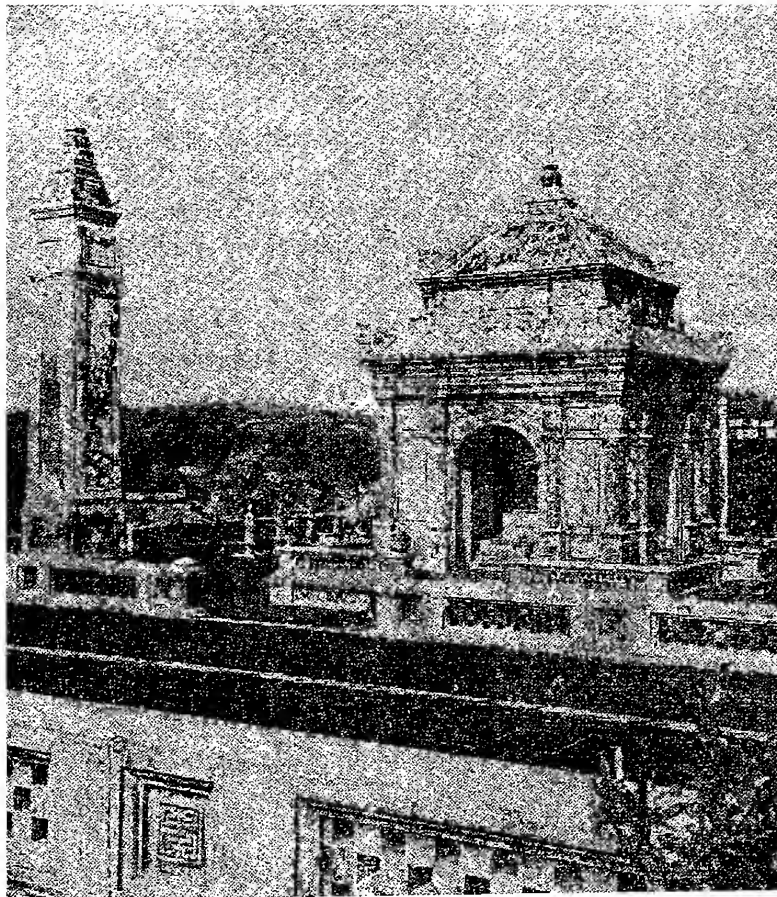


36 — Hạ đồ xưa của làng Minh-Mạng

HỌA-ĐỒ XƯƠNG-LĂNG

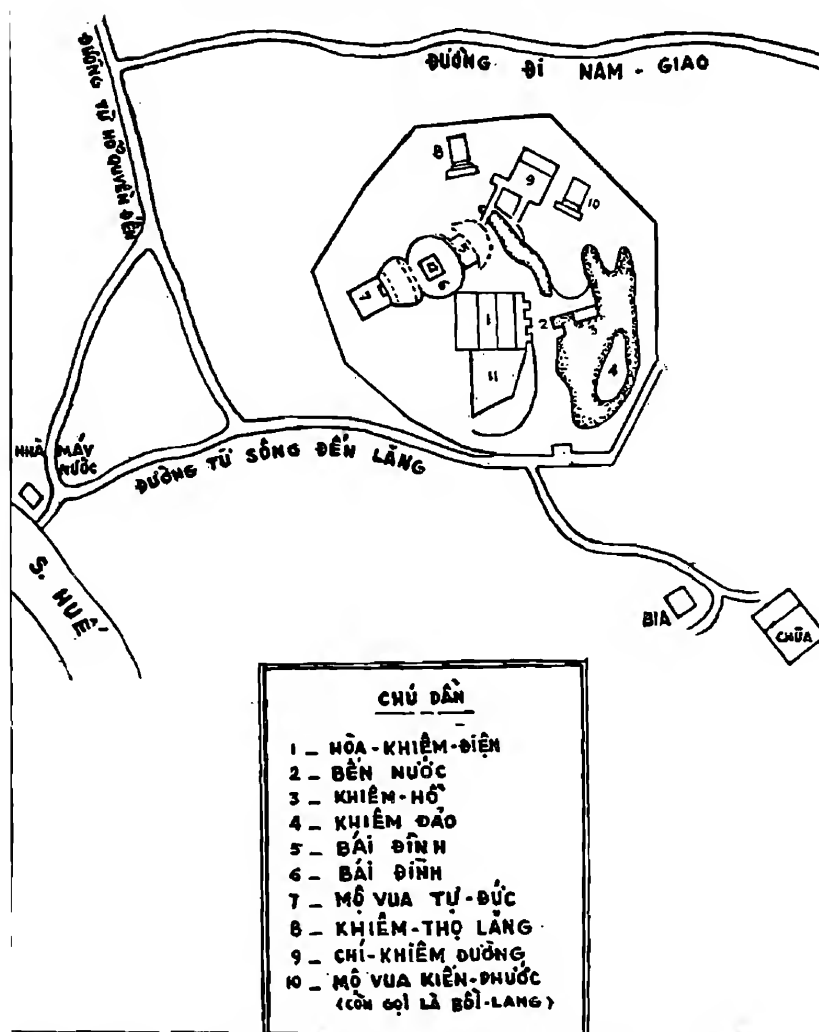


37.— Họa-đồ Xương-Lăng



38 — Lăng vua Thiệu-Trị (Xương-Lãng)

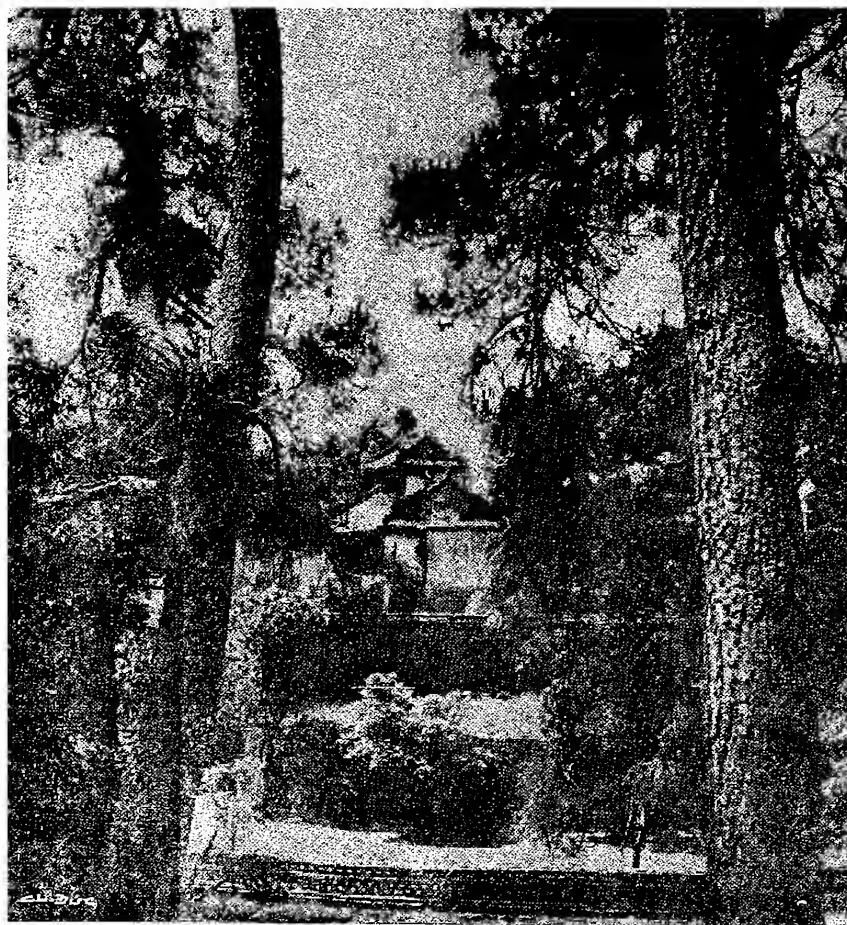
HỌA-ĐỒ KHIÊM - LĂNG



39.— Họa-đồ Khiêm-Lăng

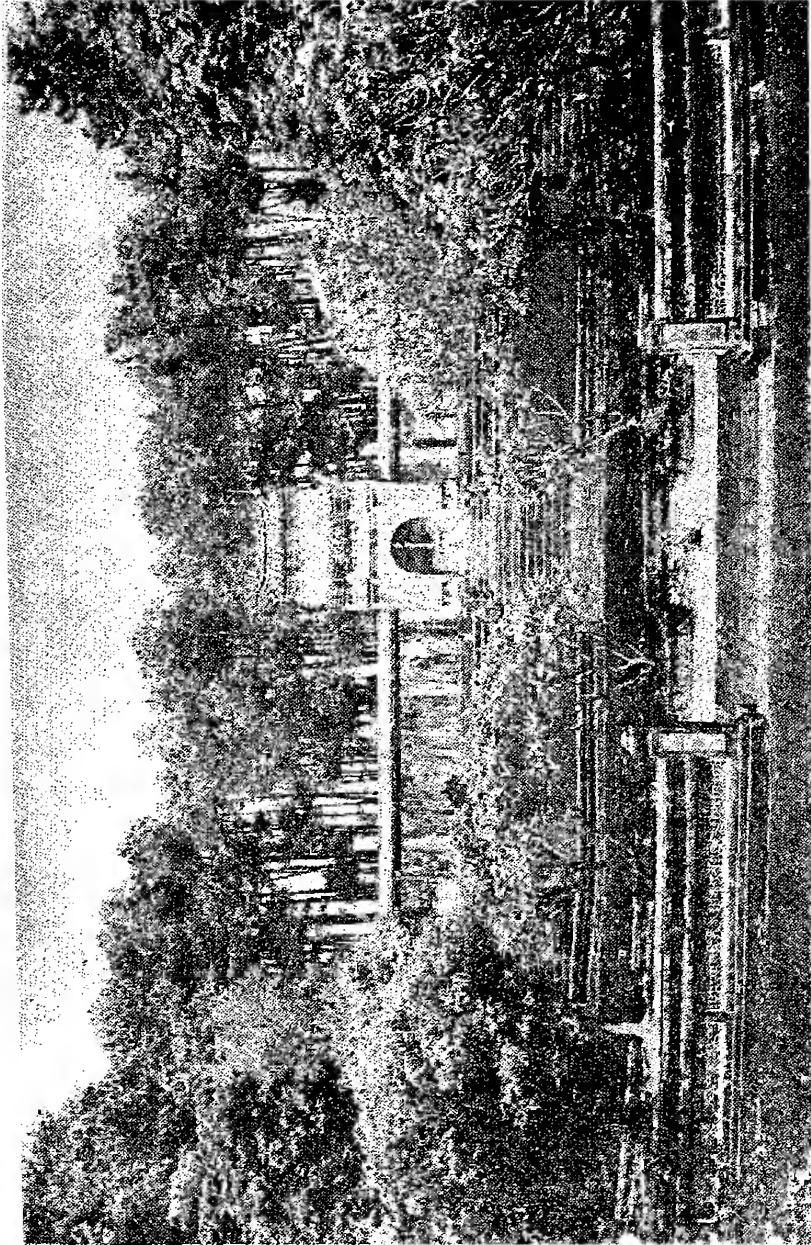


40 — Lăng vua Tự-Đức (Khiêm-Lăng) — Hồ Ngung-Thúy



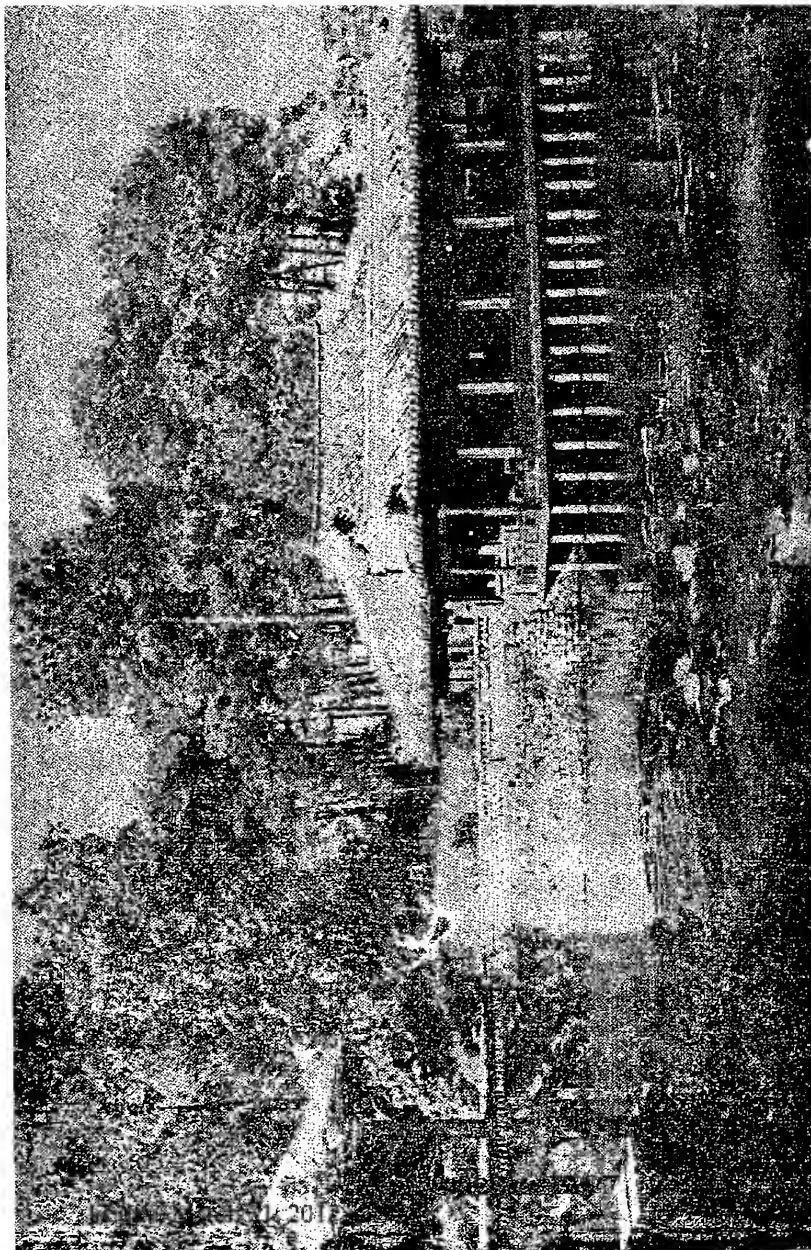
41 — Khiêm.Lông

*Từ bề núi phủ mây phong,
Mảnh trăng thiên-cổ, bóng tùng vạn-niên.*



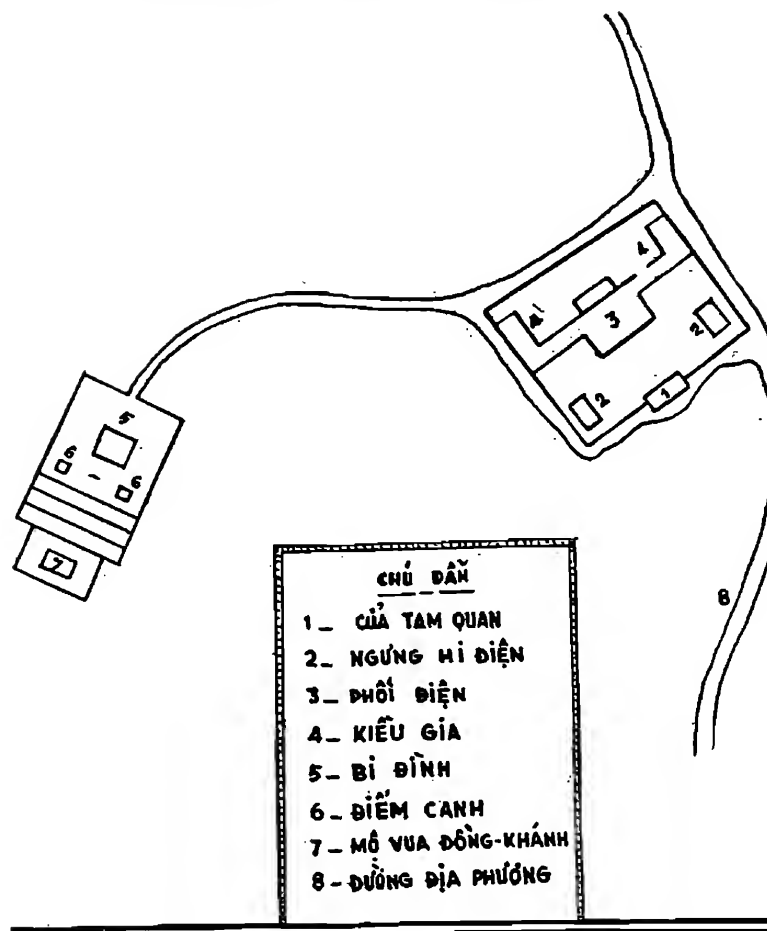


43.— Khiêm-Lãng
(Bi-đình và hai trụ hoa-biểu).

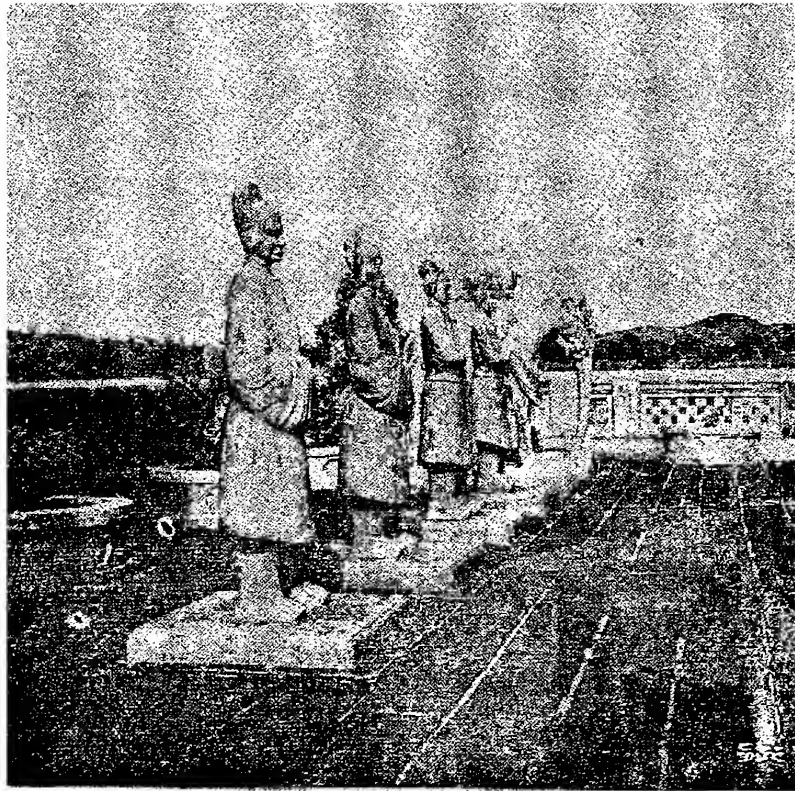


44 — Lãng Tư-Đức — Nhà thủy-tạ trên Khiêm-hồ

HỌA-ĐỒ TƯ' - LĂNG

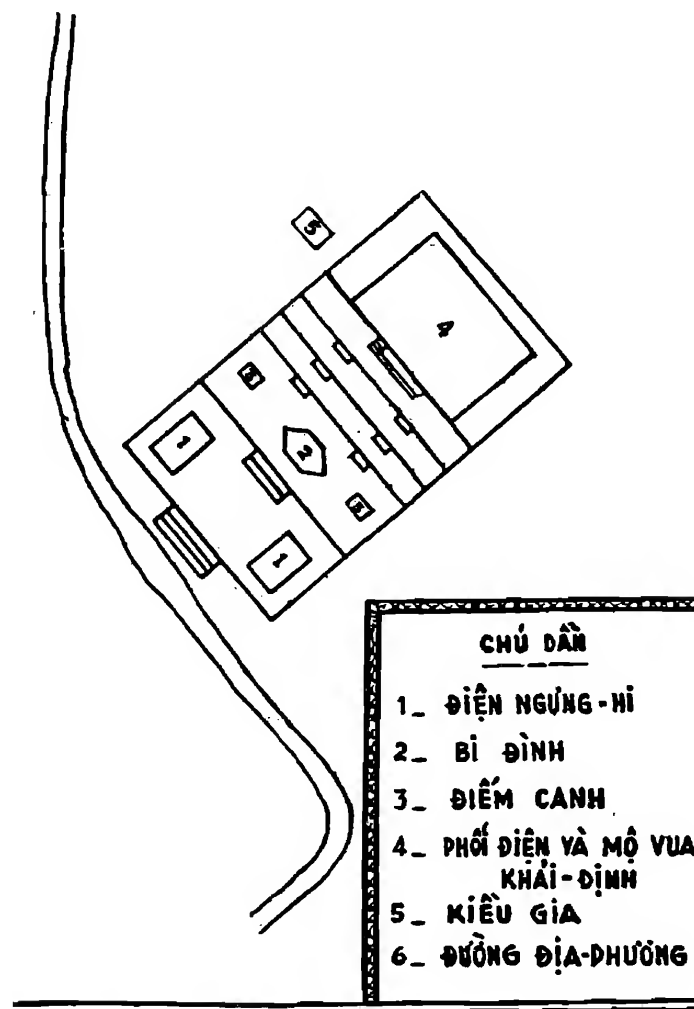


45.— Họa-đồ Tư-Lăng

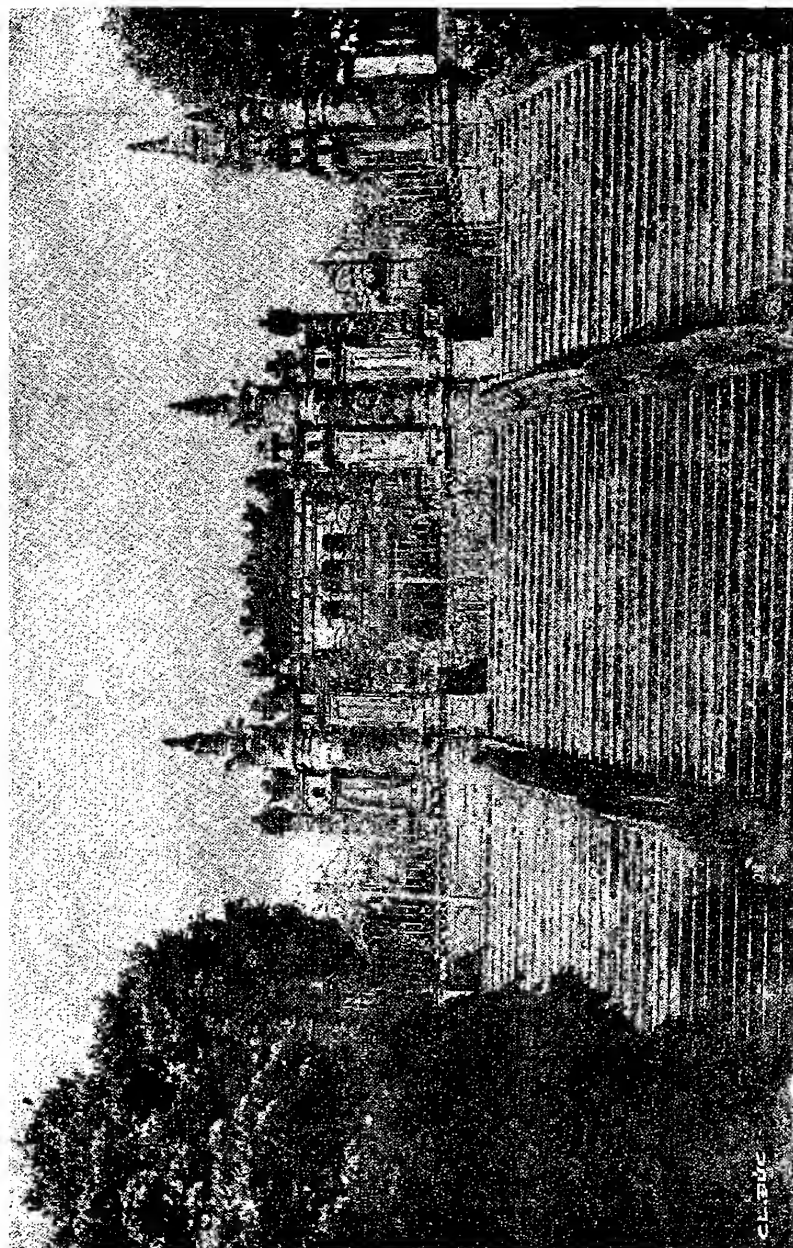


46 — Lăng Đồng-Khánh (Tư.Lăng)
Hình đá các quan văn võ châu ở bái-đình

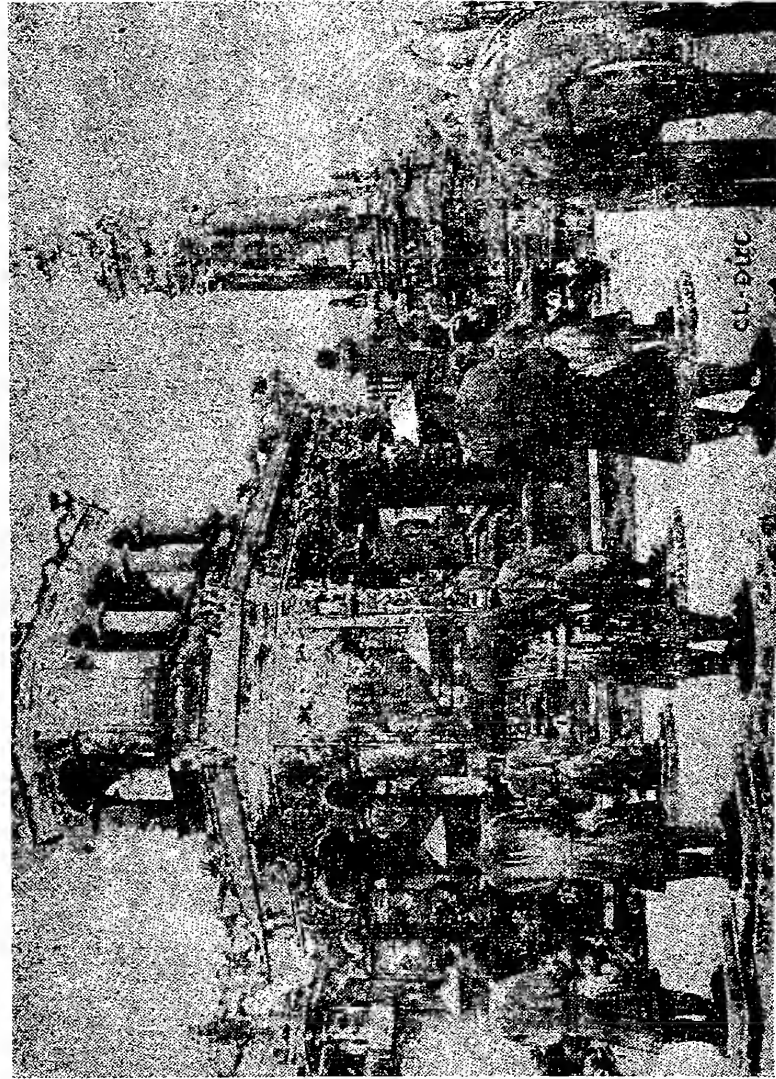
HỌA-ĐỒ ỨNG-LĂNG



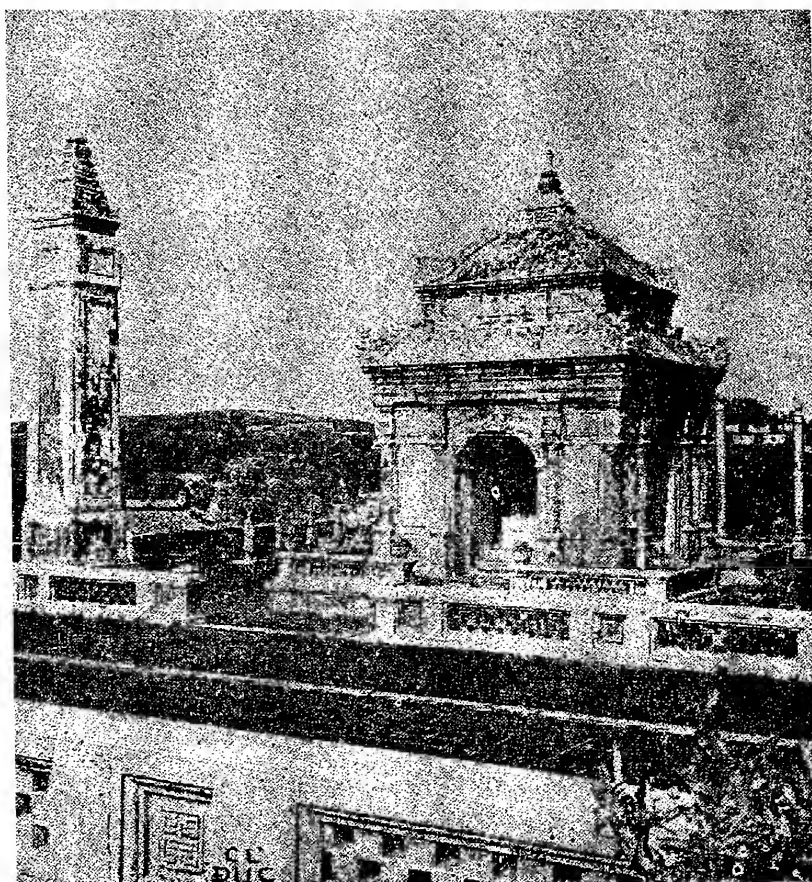
47.— Họa-đồ Ứng-Lăng



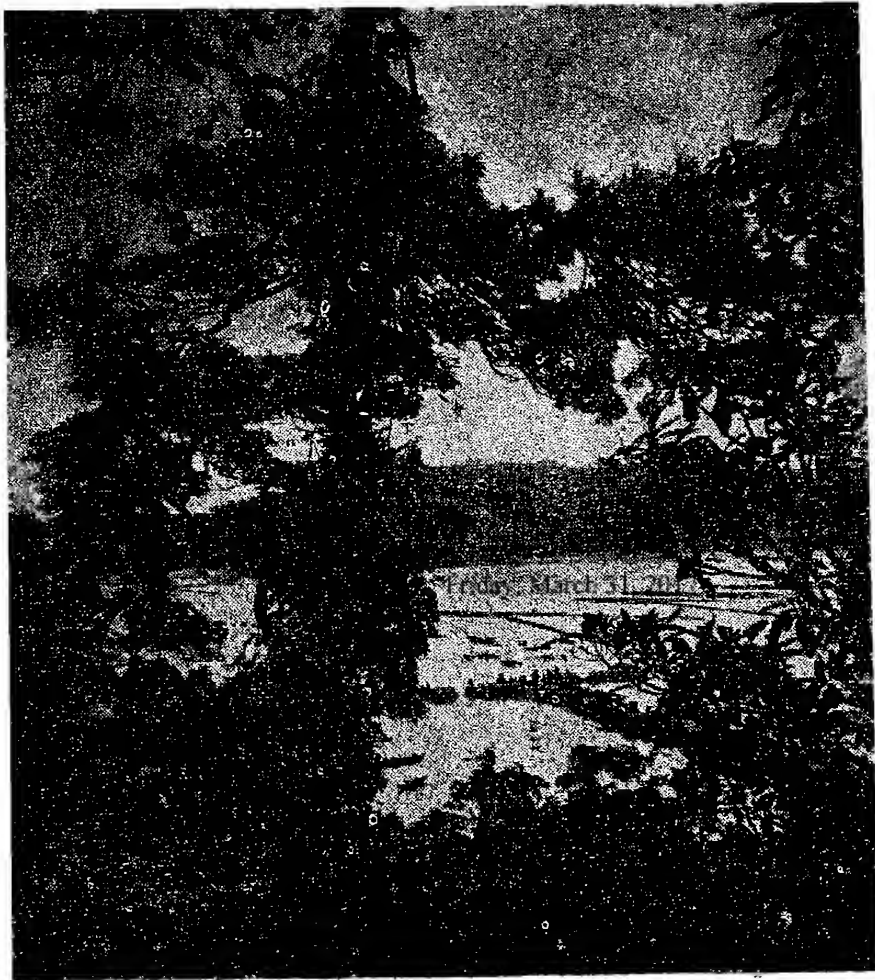
48 — Lãng Khôi-Định (Ứng-Lãng) — Mặt tiền



49 — Lăng Khải-Định — Bait-Din, biểu-trữ và hình đá các quan văn võ



50 — Lăng Khải-Dịnh
Bi-đình và biểu-trụ

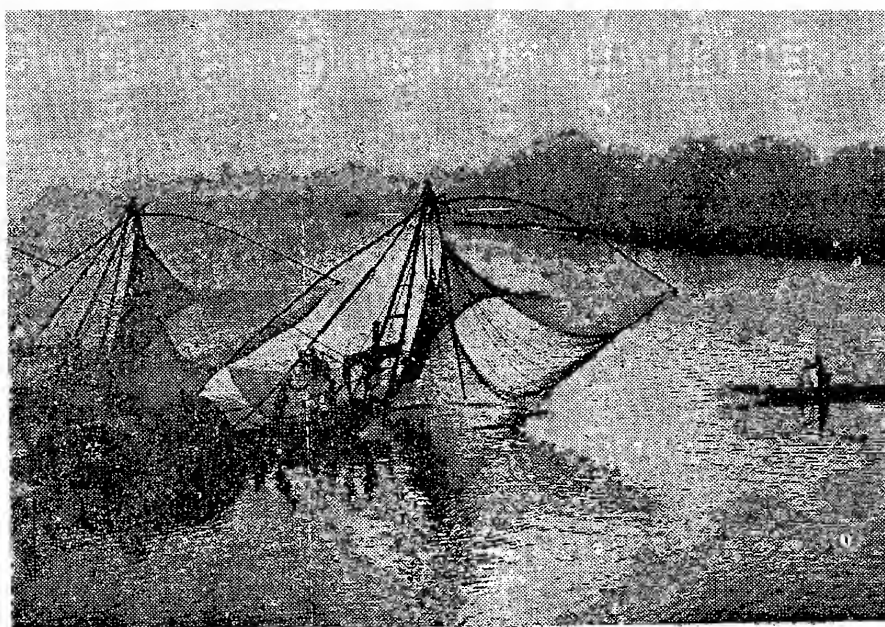


51. — Túy-Vân-sơn



Mây xám xây thành trên núi bạc, Nhạc móm lơ-lửng giữa sông êm,
Trắng mờ mờ ngút lim-dim gút, Eo-lá nằm trên ngọn trúc mềm.

THÚC-TỀ



53 — Kéo vó trên sông Hương

BẢNG TỔNG-KẾ

NHỮNG TRANH ẢNH CỔ-ĐỒ HUẾ IN TRONG SÁCH NÀY

- 1.— Bản-đồ nước Nam của Linh-Mục Alexandre de Rhodes minh-họa năm 1653, có ghi : province de Thoanoa, Quehoa, Langran, Keday ở nơi xứ Huế
- 2.— Bản-đồ Tỉnh Thừa-Thiên
- 3.— Bản-đồ đền đài, miếu-vũ, lăng-tăm và thắng-cảnh Huế.
- 4.— Tổng-quan Sông Hương và Kinh-thành Huế (trích Tập-san Đô-thành Hiếu-cổ) Face antérieure de la citadelle de Huế (Gravure vietnamienne — Réduction par M. Nguyễn-Thứ).
- 5.— Tổng-quan Kinh thành Huế (Trích Tập-san Đô-thành Hiếu-cổ). Vue perspective de la citadelle, prise par derrière — Gravure (Réduction par M. Nguyễn-Thứ).
- 6.— Bản-đồ Kinh-thành Huế (Có ghi chữ số, vị-trí đề đối-chiếu với danh sách cổ-tích).
- 7.— Trên sông Hương : *Thuyền ai lấp ló bên sông, Nghe câu mái dầy chạnh lòng nước non.*
- 8.— Cảnh chiều trên sông Hương : *Chiều chiều gió thổi Hải-Vân, Chim kêu gành đá găm thân thêm buồn !*
- 9.— Cầu Trường Tiền :
*Cầu Trường Tiền sáu vài mười hai nhịp.
Em qua không kịp, tội lắm anh ơi !*
- 10.— Chiều chiều trước bến Vân Lâu.
- 11.— Bia đá có khắc bài thơ của vua Thiệu-Trị ca tụng Sông Hương.
- 12.— Đài Chiến sĩ trận vong.
- 13.— Ròng đá và hồ sen : *Bao năm ròng đá trở hoa,
Hồ xanh sen thấm quốc-gia vũng bèo.*
- 14.— Công-viên Lê-Thái-Tổ : Nhà lục-giác để dành cho ban nhạc hợp-tấu Đông Tây kim-cổ.

15.— Kinh Thành :

*Thành-quách ấy và giang-sơn ấy, Đâu chẳng là tuyết nguyệt phong
hoa (Chu-Mạnh-Trình).*

16.— Chùa Thiên-Mụ và cảnh trúc :

Gió đưa cảnh trúc la đà, Tiếng chuông Thiên-Mụ, canh gà Thọ Cương.

17.— Chùa Thiên-Mụ và Tháp Phước-Duyên

18.— Cầu vào điện Thái-Hòa :

*Ngọ-Môn năm cửa chín lầu,
Chỗ tiên-vương tạo-lập đề công-hầu vào ra.*

19.— Ngọ-Môn bên trong.

20.— Điện Thái-Hòa nhìn từ Ngọ-Môn

21.— Hiên-lâm.các ở trước Thế-miếu.

22.— Cờ-tùng Thế-miếu

23.— Cờu-đỉnh trung bày trước Thế-miếu

24.— Cờu-đỉnh nhìn từ gác Hiên-lâm

25.— Thế-miếu thờ các chúa Nguyễn

26.— Đền Phụng-Tiên

27.— Họa-đồ Thiên-Thọ-Lăng

28.— Lăng vua Gia-long (Thiên-Thọ-Lăng) và Bà Thừa-Thiên Cao-
Hoàng-Hậu.

29.— Họa-đồ xưa của lăng Gia-Long

30.— Họa-đồ Hiếu-Lăng

31.— Lăng vua Minh-Mạng (Hiếu-Lăng) : Bi-đình

32.— Lăng vua Minh-Mạng (Hiếu-lăng) : Minh-lâu

33.— Lăng Minh-Mạng : Hình đá các vị thần châu ở bái-đình.

34.— Lăng Minh-Mạng : Hồ Tân-Nguyệt.

35.— Lăng Minh-Mạng : Cửa « Chính-đại quang-minh ».

36.— Họa-đồ xưa của lăng Minh-Mạng

37.— Họa-đồ Xương-lăng

38.— Lăng vua Thiệu-Trị (Xương-lăng)

39.— Họa-đồ Khiêm-lăng.

40.— Lăng vua Tự-Đức (Khiêm-lăng) : Hồ Ngưng-Thủy

41.— Khiêm-lăng

*Tư bề núi phủ mây phong,
Mảnh trăng thiên-cổ, bóng tàng Vạn-niên*

42. — Khiêm-lăng : Bảo-Thành
43. — Khiêm-lăng : Bái-đình và hai trụ hoa-biểu
44. — Lăng Tự-Đức : Nhà Thủy-tạ trên Khiêm-hồ
45. — Họa-đồ Tư-lăng
46. — Lăng Đồng-Khánh (Tư-lăng)
Hình đá các quan văn võ ở bái-đình
47. — Họa-đồ Ứng-lăng
48. — Lăng Khải-Định (Ứng-lăng) : Mặt trên
49. — Lăng Khải-Định : Bái-đình, biểu-trụ và hình đá các quan văn võ
50. — Lăng Khải-Định : Bái-Đình và biểu-trụ
51. — Túy-Vân-Sơn
52. — Huế buổi chiều tà
Huế, cố-đô thơ mộng muôn đời của đất nước Việt-Nam
53. — Kéo vó trên sông Hương



CỔ-ĐỒ HUẾ

Do sự-vụ-lệnh số 955-GD/SVL ngày 30-8-1960 của Ông Bộ-Trưởng Quốc-gia Giáo-dục, một Ủy-Ban gồm những vị sau đây được thành-lập để khảo-duyet quyền « CỐ-ĐỒ HUẾ » do Ô. Thái-Văn-Kiểm biên-sọan :

Ô. NGUYỄN-KHẮC-KHAM

Giám-Đốc Nha Văn-Hóa.

Chủ-tịch

Ô. BỬU-CẦM

Chuyên-viên Hán-học Viện Khảo-Cổ

Giảng-sư Đại-học Văn-Khoa .

Hội-viên

Ô. PHẠM-VĂN-DIỀU

Giáo-sư, văn-sĩ Tổng-Nhà Kiến-Thiết.

Thuyết-trình-viên

Ô. LÊ-TRỌNG-ĐÀM

Chuyên-viên Hán-học Nha Văn-Hóa.

Thư-ký

Do công-văn số 6625-GD/NCCK ngày 9-12-1960, Ô. Đồng-lý Văn-Phòng Bộ Quốc-gia Giáo-dục đã chấp-thuận cho Nha Văn-Hóa xuất-bản trong tập-san « Văn-hóa Tùng-thư » quyền

CỔ-ĐỒ HUẾ

CỔ-ĐÔ HUẾ

Lịch-Sử — Cổ-Tích
Thắng-cảnh — Thi-ca

của Việt-Điều Thái-Văn-Kiểm .

do ấn-quán Bình-Minh, 148-j, Đường Yên-Đồ, Sài-gòn, in xong ngày 31-12-1960, tổng-số 2.000 cuốn (1950 cuốn giấy thường, 50 cuốn giấy tốt).

Nhìn lại quãng đường dài đã đi, soạn-giả xin ngỏ lời chân-thành cảm-tạ :

— *Các văn-gia, thi-sĩ, nữ-sĩ* : Ưng-Bình Thúc-Giạ, Thảo-Am Nguyễn Khoa-Vi, Tương-Phổ, Cao-Thị-Ngọc-Anh, Đông-Viên Phạm-huy-Toại, Đông-Hồ Lâm-Tấn-Phác, Á-Nam Trần-Tuấn-Khải, Vũ-Hoàng-Chương, Đình-Hùng, Quách-Tấn, Lệ-Chi Nguyễn-Vỹ, Hoài-Quang Bùi-Đình-San, Hỷ-Thần Nguyễn-Hy.

— *Các học-giả, giáo-sư và kỹ-thuật-gia* : Ưng-Trình, Tùng-Lâm, Phan-Văn-Dật, Bửu-Cầm, Bửu-Kế, Hồ-Tánh, Ưng-Hội, Tôn-Thật-Cảnh, Song-An Thái-Thúc-Diễn.

— *Các nghệ-sĩ* : Mai-Lân, Ngọc-Tùng, Nguyễn-Khoa-Lợi, Bửu-Lộc, Hoàng-Đại-Sầm, Nguyễn-Văn-Ninh, Đào-Thanh-Ban.

— *Các sở Thông-Tin và Dj-lịch Việt-Nam, Hoa-Kỳ, Anh, Pháp*. đã giúp nhiều tài-liệu, tranh ảnh và khuyến-khích tác-giả trong việc biên-soạn và ấn-hành tác-phẩm

CỔ-ĐÔ HUẾ

MỤC-LỤC

CỔ-ĐÔ HUẾ
TẬP THƯỢNG

LỜI DẪN	Số trang I-V
ĐÂY HUẾ : CỔ-ĐÔ THẦN-BÍ VÀ THƠ-MỘNG	1-7



I — LỊCH-SỬ DIỄN-CÁCH CỔ-ĐÔ HUẾ

A. — Về đời thượng-cổ	9
B. — Cuộc nam-tiến đến Huế	11
C. — Dưới thời các chúa Nguyễn	13
D. — Dưới triều Nguyễn	16



II — VỊ-TRÍ KINH-ĐÔ HUẾ



III — KINH-THÀNH HUẾ

A. — Kiến-trúc Kinh-thành Huế	19
B. — Sông đào và cầu cống	25
C. — Cỗ-tích trong Kinh-thành Huế	29
1. — Trường Thi	29
2. — Quán Linh-Hựu	29
3. — Thừa-Thiên phủ-đường	30
4. — Tịch-Điền	31
5. — Vườn Thường-Mộ	32
6. — Vườn Thường-Thanh	33
7. — Hồ Tĩnh-Tâm	34

8. — Lầu Tàng-Thơ	35
9. — Cung Khánh-Ninh	36
10. — Cung Bảo-Định	37
11. — Cung Tông-miếu	38
12. — Vườn Thư-Quang	38
13. — Quốc-Sử Quán	39
14. — Đàn Xã-tắc	40
15. — Chùa Giác-Hoàng	41
16. — Súng Thần-Công	42



IV — HOÀNG-THÀNH

1. — Cửa Ngọ-môn	46
2. — Cửa Hiền-nhân	48
3. — Cửa Chương-đức	48
4. — Cửa Hòa-bình	48

Miếu-Điện trong Hoàng-Thành

1. — Điện Thái-Hòa	49
2. — Thái-miếu	50
3. — Trữ-miếu	52
4. — Thế-miếu	53
5. — Hưng-Miếu	56
6. — Điện Phụng-Tiên	56
7. — Cung Diên-Thọ	57
8. — Cung Trường-Sanh	59
9. — Vườn Cơ-Hạ	60



V — TỬ CẨM-THÀNH



VI — NHỮNG CỒ-TÍCH NGOÀI KINH-THÀNH HUÈ

1. — Lầu Phú-Văn	73
2. — Chùa Diệu-Đế	74
3. — Nhà thờ Quan-Công	76
4. — Chùa Thiên-Mụ	76

5. — Văn-Miếu	79
6. — Vũ-Miếu	82
7. — Nhà thờ Khải-thánh	82
8. — Đàn Nam-Giao	83
9. — Hồ-Khuyên	91
10. — Chùa Báo-Quốc	92
11. — Đền thờ thần núi Ngọc-Trần	93
12. — Tòa Thương-Bạc	95



VII — LĂNG-TẨM

1. — Lăng Gia-Long (Thiên-Thụ lăng)	96
2. — Lăng Minh-Mạng (Hiếu-lăng)	100
3. — Lăng Thiệu-Trị (Xương-lăng)	103
4. — Lăng Tự-Đức (Khiêm-lăng) .	104
5. — Lăng Dục-Đức (An-lăng)	105
6. — Lăng Kiến-Phúc (Bồi-Lăng) .	106
7. — Lăng Đồng-Khánh (Tư-lăng)	106
8. — Lăng Khải-Định (Ứng-lăng)	107



VIII — CẢM-TƯỞNG CHUNG VỀ CÁC LĂNG-TẨM

PHỤ-LỤC

1. — Hai mươi thắng-cảnh Thần-Kinh	111
2. — Thuận-Hóa qua ca-dao lịch-sử	141
3. — Hương-sắc miền Trung	163



CỔ-ĐÔ HUẾ

TẬP HẠ

THUẬN-HÓA QUA THI-CA KIM-CỒ

Tìm hiểu ca-nhạc cổ-diễn miền Trung	181
Một đêm trình-diễn hát-bộ tại Huế	205
Thi-ca xứ Huế :	

1 — Đường-luật và cổ-thi :

— Núi Hải-Vân (Nguyễn-phúc-Chu)	217
— Cửa tẩm Tư-Hiền (Nguyễn-phúc-Trân)	218
— Vững Trà-Sơn (Lê-Thánh-Tôn)	218
— Hoả-xa Huế-Hàn (Trần-cao-Vân)	219
— Tam-thượng Hải-Vân (Nguyên-tác của Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền và dịch-ngữ của Vũ-Hoàng-Chương) .	219
— Vịnh Ngũ-Hành-Sơn (Nguyên-tác của Mai-Sơn Nguyễn-thượng-Hiền và dịch-ngữ của Việt-Ngâm)	220
— Vịnh Huyền-Trân công-chúa (Hoàng-Thái-Xuyên) .	221
— Thơ song-thanh điệp-vận (Tuy-Lý-Vương) .	221
— Vịnh sông Lợi-Nông (Nguyễn-hữu-Bà)	222
— Qua đèo Ải-Vân (Nguyễn-hữu-Bà)	223
— Vào thành (Phan-bội-Châu)	223
— Đi thuyền đêm trên sông Hương (Phan-bội-Châu)	224
— Hương-giang hành (Tôn-thất-Lương)	224
— Xuân nhỡ Cổ-đô (Bửu-Cầm)	226
— Thu Tràng-An (Quách-Tấn)	227
— Cảnh Xuân ở Huế (Phạm-huy-Toại)	227

2 — Thơ lục-bát, lục-bát song-thất và Thi-ca liên-hành

— Hòa-lạc ca (Tùng-thiện-vương, Tuy-Lý-Vương và Trương-An Quận-Vương)	228
---	-----

— Trở lại Thần-Kinh (Tương-Phổ).	231
— Chơi Huế (Nguyễn-khắc-Hiếu).	232
— Non nước Thần-kinh (Trần-tuấn-Khai).	235
— Bến cũ (Tương-Phổ)	236
— Huế địa-tình (Bích-Khê)	238

3 — Ca-trù

— Cảnh hồ Tịnh-Tâm (Ứng-Bình).	239
— Dạo chơi hồ Tịnh-Tâm (Ứng-Bình)	239
— Dạo thuyền trên Hương-giang (Cao Ngọc-Anh nữ-sĩ)	240
— Hướng về « Cố-đô-Huế » (Hoài-Quang Bùi-đình-San).	240

4 -- Thơ mới và thơ dịch

— Đoàn nguyệt (Thế-Lữ)	242
— Trong đôi mắt Huế (Đông-Hồ)	243
— Đêm trăng trên giòng sông Hương (Thúc-Tề)	245
— Đây thôn Vĩ-Già (Hàn-mặc-tử)	245
— Ôi xứ Huế ! (Bích-Lan cư-sĩ)	246
— Hậu Ngũ-hành-sơn (Bích-Khê).	245
— Đẹp và Thơ : Cô gái Kim-Lương (Nam-Trân).	248
— Trước chùa Thiên-Mụ (Nam-Trân)	248
— Em là công-chúa (Vũ-Hoàng-Chương)	249
— Phong-vị Thần-Kinh (Đỉnh-Hùng)	249
— <i>Thơ ngoại-quốc : Nocturne sur le Fleuve des Parfums</i> (nguyên-tác của H. Guibler và 2 bản dịch của Nguyễn-Vỹ và Thái-thúc-Diển)	251

5 — Ca-đạo và dân-ca xứ Huế

6 — Các câu hò

— Hò giã gạo	263
— Hò mái đậy	269
— Hò mái nhì	270

7 — Các điệu ca Huế

— Lưu-thủy (2 bài)	275
— Hành-vân (3 bài)	276
— Nam-bình (7 bài)	278
— Nam-ai (10 bài)	282
— Kim-tiền (2 bài).	289
— Tứ-đại-cảnh (5 bài)	290
— Long-ngâm (2 bài)	294
— Cờ-bán (3 bài).	295
— Phú-lục (5 bài).	298
— Liễn-bộ thập-chương (10 bài).	303
— Các điệu khác (Đông-đàn-cung, Nam-xuân, Giáo-duyên, v.v...) (7 bài).	306

8 — Các bài văn xuôi

— Chùa Thiên-Mỹ (của Kính-Phủ) (trích trong quyển Tang-thương ngẫu-lục)	312
— Cung-chiêm các Tôn-lăng (Phạm-Quỳnh).	314
— Lăng đức Gia-Long (Phạm-Quỳnh)	315



— Những sách tham-khảo.	317
— Những tranh-ảnh cổ-đô Huế (53 tấm) đánh số từ 1 đến 53.	1-53
— Các cổ-tích ghi trong bản-đồ Kinh-thành Huế	321
— Bảng tổng-kê những tranh-ảnh cổ-đô Huế	331
— Mục-lục	337

